

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

CHU THANH HÀ

CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THUỘC VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

CHU THANH HÀ

CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THUỘC VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI

Chuyên ngành : Hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS.TSKH Lê Văn Cẩm

Hà Nội – 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của GS. TSKH Lê Văn Cẩm. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Người cam đoan

Chu Thanh Hà

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG BIỂU

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THUỘC VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI.....	10
1.1. Khái niệm và đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội	10
1.1.1. Khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội.....	10
1.1.2. Các đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội	19
1.2. Ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội.....	21
1.3. Lược khảo sự hình thành và phát triển của các quy phạm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam.....	24
1.3.1. Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ phong kiến	24
1.3.2 Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc	29
1.3.3 Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ 40 năm trước pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam lần thứ nhất (1945 – 1985).....	30
1.3.4 Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam từ sau khi thông qua BLHS Việt Nam đầu tiên (1985) cho đến nay	33

Chương 2: CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THUỘC VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ BỘ LUẬT HÌNH SỰ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA KHÁC 37

2.1. Các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội 37

2.1.1 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 46 37

2.1.2 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội khác 54

2.2 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới 58

2.2.1 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Liên bang Nga..... 58

2.2.2 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 62

2.2.3 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức 63

2.2.4 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Vương quốc Thụy Điển 65

2.2.5 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Nhật Bản 66

2.2.6 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Canada..... 68

Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THUỘC VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI 71

3.1. Thực tiễn xét xử một số vụ án có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội 71

3.1.1 Thực tiễn xét xử một số vụ án có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) 71

3.1.2 Thực tiễn xét xử một số vụ án có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009)	77
3.2 Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội	83
3.2.1 Hoàn thiện các quy định chung của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ TNHS	83
3.2.2 Hoàn thiện các quy định riêng của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009)	84
KẾT LUẬN.....	87
DANH MỤC BẢN ÁN THAM KHẢO	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

DANH MỤC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

BLHS : Bộ luật hình sự

TNHS : Trách nhiệm hình sự

CTTP : Cấu thành tội phạm

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 3.1.	Thống kê số lần sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) dựa trên cơ sở nghiên cứu 125 bản án.	72
Bảng 3.2.	Thống kê số lần sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 được hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP dựa trên cơ sở nghiên cứu 125 bản án.	78
Bảng 3.3.	Thống kê việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội do Tòa án tự ghi nhận dựa theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS dựa trên cơ sở nghiên cứu 125 bản án.	79

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các tình tiết có vai trò quan trọng trong việc xác định và xử lý tội phạm. Được sử dụng để phân biệt các tội phạm khác nhau; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của các trường hợp phạm tội trong cùng loại tội; làm rõ mức độ nguy hiểm cũng như mức độ TNHS của các trường hợp phạm tội cụ thể. Đồng thời còn được áp dụng làm căn cứ để định tội cũng như quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Nếu thiếu những tình tiết cụ thể, những căn cứ xác đáng có thể dẫn đến việc định tội danh không đúng, không phù hợp, làm cho hình phạt không đạt được mục đích khi áp dụng đối với người phạm tội. Trong số đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung cũng như các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng là cơ sở để giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội và giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc định tội danh và quyết định hình phạt.

Nghiên cứu lịch sử lập pháp của nước ta cho thấy quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã tồn tại từ khá lâu trong lịch sử. Ngay từ thời phong kiến, trong Quốc triều hình luật đã có những quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình. Đặc biệt là các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân của người phạm tội. Cho đến BLHS năm 1985, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được ghi nhận chính thức như là những chế định độc lập trong pháp luật hình sự một cách chi tiết và khá hoàn thiện. Đến khi pháp điển hóa pháp luật hình sự Việt Nam lần thứ hai với việc thông qua BLHS năm 1999, các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng cũng đã được sửa đổi, bổ sung và tiếp tục hoàn thiện. Tuy nhiên, lần pháp điển hóa thứ hai và đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 thì BLHS vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về mặt lập pháp đối với chế định này, cũng như thực tiễn áp dụng nó. Chẳng hạn, cả

hai BLHS năm 1985 và năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) vẫn chưa đưa ra được định nghĩa pháp lý của khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS, hay cách hiểu và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội vẫn chưa được thống nhất...

Xét về tổng thể, chế định này đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Tuy vậy, cùng với sự phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập trong quá trình thực tiễn áp dụng chế định này như : chưa đảm bảo tính nhất quán về mặt logic pháp lý, chưa chặt chẽ về mặt lập pháp dẫn đến khó khăn trong áp dụng ... Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để làm sáng tỏ về mặt khoa học các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội và vấn đề áp dụng trong thực tiễn, đồng thời đưa ra những giải pháp hoàn thiện các quy định của chế định này, cũng như nâng cao hiệu quả của việc áp dụng những quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội không những có ý nghĩa lý luận - thực tiễn và pháp lý quan trọng, mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết trên các phương diện về chính trị, lập pháp hình sự, thực tiễn, đấu tranh phòng chống tội phạm và cả phương diện quốc tế. Đây chính là lý do luận chứng cho việc tôi quyết định lựa chọn đề tài "Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội" làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Là một trong những chế định quan trọng, chế định các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội có liên quan mật thiết và chặt chẽ đến chế định hình phạt và nhiều chế định khác trong Luật hình sự, chính vì vậy nó được ghi nhận trong pháp luật hình sự ở nhiều nước trên thế giới như:

Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Thụy Điển; v.v...

Còn ở nước ta, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định trực tiếp tại Điều 46 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và trong các văn bản hướng dẫn. Ngoài ra, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được đề cập, phân tích trong một số công trình nghiên cứu như:

2.1. Giáo trình, sách:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được đề cập, phân tích trong một số Giáo trình, sách sau:

1. Đinh Văn Quế (2000), Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Sách tham khảo, NXB Chính trị quốc gia
2. Đinh Văn Quế (2009), Bình luận khoa học về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tái bản lần 2, NXB thành phố Hồ Chí Minh
3. Tập thể tác giả do GS. TSKH Lê Văn Cẩm chủ biên (2001), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung), Khoa luật – ĐHQGHN, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
4. Tập thể tác giả do PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (2001), Trách nhiệm hình sự và hình phạt, NXB Công an nhân dân, Hà Nội
5. Tập thể tác giả do PGS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên (2001), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung), ĐH Huế, Nxb Giáo dục
6. Tập thể tác giả do TS Uông Chu Lưu chủ biên (2001), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (Phần chung), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

2.2. Tạp chí khoa học:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội cũng được đề cập trong một số bài viết trên các Tạp chí chuyên ngành như:

1. Ban Biên tập (2012), Nguyễn Văn M có được hưởng tình tiết giảm nhẹ

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Tạp chí Viện kiểm sát số 23 năm 2012

2. Thái Chí Bình (2014), Tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 46: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện, Tạp chí Tòa án nhân dân số 2 năm 2014

3. Lê Văn Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002), Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1 năm 2002

4. Minh Lương (2007), Khái niệm và đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Tòa án nhân dân số 12 năm 2007

5. Minh Lương (2007), Tình tiết giảm nhẹ định tội trong luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Tòa án nhân dân số 20 năm 2007

6. Dương Tuyết Miên (2003), Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng theo Bộ luật hình sự năm 1999, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1 năm 2003

7. Võ Ngọc Thạch (2015), Một số quy định miễn, giảm trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự Liên Bang Nga, Tạp chí kiểm sát số 07 năm 2015

8. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), Nhân thân người phạm tội với việc quy định trách nhiệm hình sự, Tạp chí Tòa án nhân dân số 8 năm 2005

9. Nguyễn Thị Tuyết (2007), Một số kiến nghị khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 5 năm 2007

10. Trịnh Tiến Việt (2004), Về ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ trong việc quyết định hình phạt, Tạp chí khoa học pháp lý số 01 năm 2004

11. Trịnh Tiến Việt (2004), Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự 1999 và một số kiến nghị, Tạp chí Tòa án nhân dân số 13, tháng 7 năm 2004

12. Quách Thành Vinh (2005), Lại bàn về tình tiết giảm nhẹ, Tạp chí Tòa án

nhân dân số 12 năm 2005

2.3. Luận án, luận văn:

Đã có một số luận án, luận văn nghiên cứu về chế định Các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung, quyết định hình phạt và về nhân thân người phạm tội liên quan đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội như:

1. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), Nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật
2. Trần Văn Sơn (1996), Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội
3. Nguyễn Văn Anh (2015), Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội
4. Trần Thị Quang Vinh (2001), Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát nêu trên, có thể thấy, ở nước ta đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập trực tiếp, tổng quát về “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội”. Để có góc nhìn khái quát, hệ thống và chi tiết các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội, nhất là đi sâu nghiên cứu, phân tích thực tiễn để có phương hướng hoàn thiện, đòi hỏi phải có nhiều hơn các công trình nghiên cứu chuyên sâu. Vì vậy việc chọn đề tài “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội” là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu một số vấn đề lý luận và quy định cụ thể về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội dưới khía cạnh lập pháp hình sự và trong thực tiễn áp dụng, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu như trên, luận văn có những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- 1) Xây dựng khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội và phân tích các đặc điểm cơ bản của chúng. Khái quát sự hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội từ thời kỳ phong kiến cho đến nay.
- 2) Phân tích nội dung, điều kiện áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội theo các quy định của BLHS năm 1999 hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định này. Nêu ra một số quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, so sánh với các quy định tương ứng trong pháp luật Việt Nam.
- 3) Trình bày, phân tích thực tiễn áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội. Chỉ ra các hạn chế khi vận dụng các quy định pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội vào thực tiễn từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện về mặt lập pháp các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề xung quanh các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt

Nam, kết hợp với việc nghiên cứu, đánh giá tình hình áp dụng chế định này trong thực tiễn, và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong thực tiễn.

Luận văn cũng có tham khảo những bài học kinh nghiệm lập pháp hình sự một số nước như Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Thụy Điển trong khi nghiên cứu về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng VIII, IX, X và các Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 26/5/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2000 của Bộ chính trị.

Bên cạnh đó, trong quá trình nghiên cứu đề tài có sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp... để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

5. Những đóng góp về mặt khoa học của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận vì đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo về vấn đề các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội. Những đóng góp cơ bản về mặt khoa học của luận văn là:

- 1) Tổng hợp một số quan điểm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội để xây dựng nên khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội, đảm bảo tính chính xác, khoa học.
- 2) Nghiên cứu và chỉ ra các đặc điểm chủ yếu của quá trình hình thành và phát triển của chế định các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam từ thời kỳ phong kiến đến nay.
- 3) Phân tích các quy định pháp luật hình sự hiện hành của Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội.
- 4) Nghiên cứu, làm sáng tỏ bức tranh tình hình áp dụng chế định này trong thực tiễn, chỉ ra những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của nó.
- 5) Trên cơ sở đó, đề xuất các kiến giải lập pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành (sửa đổi đảm bảo tính thống nhất, bổ sung một số trường hợp cần đưa vào các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội...).

Bên cạnh đó, luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích, góp phần phục vụ cho việc nâng cao nhận thức khoa học về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội cho các nhà nghiên cứu, các nghiên cứu sinh, các học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành Tư pháp hình sự có mong muốn nghiên cứu về vấn đề này cũng như có thể phục vụ trong thực tiễn.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội

Chương 2: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và Bộ luật hình sự của một số quốc gia khác

Chương 3: Thực tiễn áp dụng và việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THUỘC VỀ NHÂN THÂN
NGƯỜI PHẠM TỘI

1.1. Khái niệm và đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

1.1.1. Khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

Trước khi đưa ra khái niệm về tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội, cần phải hiểu được khái niệm về hai yếu tố chính cấu thành nên các tình tiết này đó chính là “Tình tiết giảm nhẹ” và “Nhân thân người phạm tội”.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được sử dụng khá nhiều và đóng vai trò quan trọng là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt. Tuy nhiên, BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) không đưa ra khái niệm mà chỉ liệt kê các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong Khoản 1 Điều 46 và quy định Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trong Khoản 2 Điều 46. Trong khoa học pháp lý nước ta, quan niệm về vấn đề này cũng chưa thống nhất.

GS. TSKH Lê Văn Cẩm quan niệm rằng “*Tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong Phần chung BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết do Tòa án tự xem xét, cân nhắc và được ghi rõ trong bản án (nếu trong vụ án hình sự không có tình tiết này), đồng thời là một trong những căn cứ để cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền và Tòa án tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cá thể hóa TNHS và hình phạt của người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt*” [15, tr.17]

Theo Từ điển pháp luật hình sự, Tình tiết giảm nhẹ TNHS là *“Tình tiết ảnh hưởng đến mức độ TNHS của trường hợp phạm tội cụ thể theo hướng làm giảm xuống so với trường hợp bình thường”*. [19, tr.240]

Hay theo quan điểm của TS. Trần Thị Quang Vinh lại cho rằng *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết của vụ án hình sự, liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng và giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chúng chưa được ghi nhận trong chế tài.”* [70, tr.45]

Nhìn chung, đa số ý kiến cho rằng, tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết được ghi nhận trong văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hay do Tòa án tự xem xét, cân nhắc và ghi rõ trong bản án, đồng thời là một trong những căn cứ để Tòa án cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với người phạm tội.

Về bản chất, Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những biểu hiện về các điều kiện, hoàn cảnh, tình huống có ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm, qua đó phản ánh mức độ nguy hiểm ít hơn của hành vi phạm tội và là cơ sở để người phạm tội có thể chịu TNHS ở mức thấp hơn. Tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong BLHS, trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc do Tòa án cân nhắc, xem xét quyết định trong quá trình xét xử các vụ án cụ thể, phản ánh chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Nhân đạo là một trong những nguyên tắc chủ đạo của pháp luật hình sự.

Theo Từ điển tiếng Việt, *“Tình tiết”* được hiểu là sự việc nhỏ trong quá trình diễn biến của sự kiện, tâm trạng [Xem: 63, tr.979]. Do vậy, tình tiết giảm nhẹ TNHS có thể hiểu là những sự việc nhỏ trong một vụ án có ý nghĩa làm giảm mức độ TNHS của người phạm tội. Nói cách khác, trong vụ án hình

sự những tình tiết nào có ý nghĩa làm giảm mức độ TNHS sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Còn “Giảm nhẹ TNHS” có thể được hiểu là việc miễn, giảm tác động cưỡng chế hình sự thuộc nội dung của TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có thể hiểu ở một số cấp độ với những vai trò khác nhau. Ở cấp độ bao trùm nhất, tình tiết giảm nhẹ TNHS là bất kỳ tình tiết nào mà sự hiện diện của nó làm giảm bớt mức độ TNHS. Như vậy, ở cấp độ này, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là các tình tiết định tội giảm nhẹ, định khung giảm nhẹ, các tình tiết giảm nhẹ tại Điều 46 và các điều luật khác tại phần chung BLHS, cũng như các tình tiết được áp dụng theo khoản 2 điều 46. Ở cấp độ thứ hai, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS trên cơ sở đã có một sự chuẩn mực xác định về TNHS. Theo nghĩa này, tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết được quy định và áp dụng theo quy định tại phần chung BLHS (không bao gồm tình tiết định tội, định khung giảm nhẹ) [Xem: 70, tr.26]. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả chỉ nên hiểu “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS” ở đây theo nghĩa là các tình tiết có vai trò làm giảm TNHS của người phạm tội một cách thuần túy. Bởi mặc dù có một số trường hợp xuất hiện tình tiết thuộc tình tiết được liệt kê tại Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), nhưng lại đóng vai trò là tình tiết định tội (Ví dụ như tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” là tình tiết định tội đối với tội “Giết con mới đẻ”), như vậy nó sẽ không đóng vai trò giảm nhẹ TNHS nữa nên không thể gọi nó bằng tên “Tình tiết giảm nhẹ TNHS” được bởi nó không được coi là có giá trị giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội.

Từ những nghiên cứu trên, tác giả xin đưa ra khái niệm tình tiết giảm nhẹ TNHS

Tình tiết giảm nhẹ TNHS là những trường hợp được quy định trong BLHS, trong các văn bản liên quan hay trong thực tiễn xét xử vụ án hình sự,

các tình tiết này có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng như khả năng cải tạo của người phạm tội nên có giá trị làm giảm nhẹ TNHS mà người phạm tội đáng lẽ ra phải chịu nếu không thuộc các trường hợp đó.

Xét về vế thứ hai của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội, “Nhân thân người phạm tội” là khái niệm được đề cập khá nhiều trong khoa học luật hình sự. Ngoài tư cách là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt, nhân thân người phạm tội còn là một trong những căn cứ khi phân loại tình tiết giảm nhẹ TNHS của người phạm tội.

Nhân thân là một phạm trù xã hội học phức tạp được nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực. Theo Các Mác, thực chất của nhân thân *"không phải ở bộ râu, ở dòng máu, ở các thể chất trùu tượng của nó, mà là ở tính chất xã hội của nó"*. Cácmac cũng cho rằng: *"bản chất của con người không phải cái gì trùu tượng, sẵn có trong từng cá nhân riêng biệt. Bản chất của con người thực tế là tổng hoà các mối quan hệ xã hội"* [5, tr.242]. Như vậy, hiểu theo quan điểm chung của xã hội học Mác Lênin về nhân thân con người thì "nhân thân" đó là bản chất xã hội của con người được thể hiện thông qua vị trí của con người trong hệ thống quan hệ xã hội. Nhân thân là một phạm trù mang tính xã hội - lịch sử. Mỗi cá nhân cụ thể sẽ có một nhân thân tương ứng hoàn toàn khác biệt. Mỗi con người - một nhân thân, mặc dù các nhân thân có ý nghĩa và giá trị khác nhau, một số thì tích cực thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội, số khác lại cản trở nó.

Khi nói đến nhân thân con người là chúng ta muốn nói đến sự tổng hợp các đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất của con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội. Đó là các đặc điểm, dấu hiệu sinh học, nhân khẩu học, các đặc điểm xã hội học, đạo đức - tâm lý. Các tiếp cận Mác xít với vấn đề nhân thân đòi hỏi phải có sự thống nhất biện chứng về mặt xã hội với các yếu tố khác trong nội dung của khái niệm này. Cần phải quan tâm đến các giá trị xã hội và

các phương diện của hiện thực xã hội, những người xung quanh, gia đình bố, mẹ, vợ chồng, con cái, anh em, tài sản, lao động, các nghĩa vụ công dân vv... Nội dung của các mối quan hệ sâu sắc và ổn định, vì xuất phát từ đó mà hình thành nên quan điểm, lý tưởng, lập trường, quan niệm đạo đức của con người. Cách xử sự của con người trong xã hội - mà nhân thân thể hiện ra bên ngoài cũng gắn liền với lĩnh vực trí tuệ, cảm xúc và ý chí của nhân thân. [Xem: 51, 40]

Như vậy Nhân thân của con người đó là tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu, mối quan hệ xã hội, của mỗi con người cụ thể, bao gồm : các đặc điểm, dấu hiệu về xã hội, nhân khẩu học như giới tính, tuổi, trình độ văn hoá, địa vị xã hội, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, nơi sinh sống, hoàn cảnh kinh tế; các đặc điểm, dấu hiệu về tâm lý như quan điểm, nhu cầu, sở thích, thói quen lý trí, ý chí, xúc cảm, tình cảm...và các đặc điểm, dấu hiệu, mối quan hệ xã hội khác.

Đó là khái niệm Nhân thân của con người nói chung, vậy Nhân thân người phạm tội là gì?

Có thể hiểu Nhân thân người phạm tội là *“Tổng hợp những đặc điểm riêng về xã hội hoặc có ý nghĩa về mặt xã hội của người phạm tội”* [19, tr183-184]. Những đặc điểm nhân thân đó có thể là : tuổi, giới tính, nghề nghiệp, có án tích, trình độ văn hóa, hệ thống thái độ...Nói một cách dễ hiểu hơn, *“Nhân thân người phạm tội là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt nói lên tính chất của một con người”* [44, tr.384].

Nhân thân người phạm tội là một khái niệm rộng, có nội hàm lớn, thể hiện bản chất xã hội của con người, phản ánh một tổng thể các dấu hiệu, các đặc tính, các mối quan hệ đặc trưng cho con người. Thế giới tinh thần và đạo đức của con người được xét trong sự phát triển trong sự tác động qua lại với các điều kiện sinh hoạt xã hội và cá nhân, và ở một chừng mực nào đó nó đã quyết định việc thực hiện tội phạm. Nhân thân người phạm tội có thể kể đến một số dạng như: độ tuổi, tiền án tiền sự, nghề nghiệp, địa vị công tác, lối

sống... của người phạm tội. Ví dụ đối với một nhóm tội phạm trộm cướp, có thể nêu ra những đặc trưng nổi bật về mặt nhân thân như về quốc tịch, dân tộc, giới tính, độ tuổi, nơi cư trú, hoàn cảnh gia đình...[Xem: 16, tr.47-50]. Nhân thân người phạm tội là khái niệm bao gồm tất cả các dấu hiệu mà luật hình sự quy định về chủ thể của tội phạm thông thường (độ tuổi và năng lực TNHS) và cả dấu hiệu của chủ thể đặc biệt (giới tính, chức vụ, quân nhân...), nhưng trong khái niệm nhân thân người phạm tội những dấu hiệu này được thể hiện rộng hơn, chi tiết hơn. Ví dụ dấu hiệu độ tuổi ở đây không chỉ để xem xét vấn đề về năng lực hành vi của con người mà còn được xem là một đặc điểm liên quan đến nhiều chức năng xã hội và biểu hiện xã hội. Khái niệm nhân thân người phạm tội còn có các đặc điểm không thuộc dấu hiệu pháp lý của khái niệm chủ thể của tội phạm. Ví dụ như dấu hiệu thể hiện vị trí vai trò xã hội của người phạm tội, thái độ của họ đối với các giá trị xã hội đang tồn tại và đối với chính bản thân mình.

Khi nghiên cứu về Nhân thân người phạm tội có một vấn đề rất quan trọng đó là mối quan hệ giữa đặc điểm xã hội và đặc điểm sinh học. Các đặc điểm sinh học, các quan hệ tâm lý có ảnh hưởng đến quá trình hình thành của con người, đến sức khỏe, cá tính, năng khiếu... của con người nên nhận thức và đi sâu nghiên cứu các đặc điểm sinh học rất quan trọng trong việc xác định những đặc điểm tâm lý tiêu cực, các điều kiện thúc đẩy người đó phạm tội.

Nhân thân người phạm tội bao gồm cả mặt tốt và cả mặt xấu. Trong một số trường hợp có một số đặc điểm về nhân thân người phạm tội đã được quy định là yếu tố loại trừ TNHS, miễn hình phạt, định tội, định khung hình phạt hoặc quy định là tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS; do đó, khi quyết định hình phạt cần phân biệt từng trường hợp cụ thể. Cần phải cân nhắc đầy đủ các đặc điểm về nhân thân người phạm tội chưa quy định là yếu tố định tội, định khung hình phạt hoặc là tình tiết tăng nặng hoặc là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Cấu trúc của nhân thân người phạm tội không phải là một tập hợp các đặc điểm, dấu hiệu một cách đơn giản mà là một hệ thống các đặc điểm dấu hiệu đặc trưng, tạo thành một thể thống nhất, không tách rời, giữa chúng có sự phụ thuộc, có mối quan hệ nhất định, bổ sung, hỗ trợ và tác động qua lại với nhau. Dưới góc độ tội phạm học và luật hình sự khi nghiên cứu về cấu trúc nhân thân người phạm tội có một hệ thống các đặc trưng chia thành 3 nhóm như sau: Nhóm các đặc điểm, dấu hiệu về nhân khẩu học - xã hội; Nhóm các đặc điểm, dấu hiệu theo pháp lý - hình sự; Nhóm các đặc điểm, dấu hiệu về đạo đức - tâm lý. Trong số đó, Nhóm quan trọng được lấy làm cơ sở của các tình tiết giảm nhẹ đó là nhóm Nhân khẩu học – xã hội. Nhóm này bao gồm: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, địa vị xã hội, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, thành phần xuất thân trong xã hội (thành thị hay nông dân) và một số dấu hiệu khác (đời sống vật chất, điều kiện nhà ở...). Các đặc điểm này bản thân chúng cũng đã đặc trưng cho từng người, từng nhóm người hoặc cho toàn bộ dân cư. Tuy nhiên, đối với các cá nhân đã phạm tội, các đặc điểm này cho thấy "bước ngoặt" quan trọng, đặc trưng cho chính nhân thân từng cá nhân đó. Ví dụ như:

Trình độ học vấn : trình độ văn hoá có ảnh hưởng sâu sắc đến sự nhận biết thế giới xung quanh, đến sự phát triển lý trí và hình thành nhân cách cũng như cách ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội. Trình độ học vấn của người phạm tội thường thấp hơn học vấn chung của toàn dân. Với tư cách là một bộ phận quan trọng trong trình độ văn hoá chung của nhân thân, học vấn góp phần hình thành lĩnh vực lợi ích, nhu cầu, thói quen, quy tắc ứng xử sao cho phù hợp với các yêu cầu của xã hội, cho phép tạo ra các phương tiện và hình thức phản ứng thích hợp đối với các tình huống xung đột và hoàn cảnh bất lợi, cho nên nếu trình độ học vấn càng cao bao nhiêu thì càng có cơ sở để tạo ra các thói quen và các bản năng ứng xử xã hội đúng đắn bấy

nhieu và ngược lại, nếu trình độ học vấn thấp sẽ cản trở việc hình thành các lợi ích, nhu cầu, thói quen, quy tắc ứng xử phù hợp với lợi ích xã hội và góp phần làm xuất hiện các tình huống xung đột, cản trở việc lựa chọn phương án xử sự đúng.

Hoàn cảnh gia đình : hoàn cảnh gia đình và sự thay đổi của nó có tác động nhất định đến nhân cách của con người, ảnh hưởng đến khyunh hướng và sự kiên định trong thực hiện tội phạm. Những người phạm tội thường xuất phát từ những gia đình có tình trạng không bình thường (không hoà thuận, không có trách nhiệm với nhau, có các thành viên trong gia đình có quan điểm, quan niệm, xử sự trái đạo đức, trái pháp luật, có trình độ văn hoá thấp trong xử sự và trong quan hệ với người khác), từ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt (bố hoặc mẹ chết, ly hôn) hoặc có hoàn cảnh kinh tế khó khăn...[Xem: 51, tr. 56]

Nói tóm lại, *Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, dấu hiệu, các đặc tính thể hiện bản chất xã hội của con người khi vi phạm pháp luật hình sự, mà trong sự kết hợp với các điều kiện bên ngoài đã ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi phạm tội của người đó.*

Việc cân nhắc nhân thân người phạm tội giúp Tòa án hiểu được tính chất con người của người phạm tội và đánh giá khả năng cải tạo của họ. Từ đó có thể thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt và bảo đảm sự công bằng khi quyết định hình phạt. Pháp luật hình sự Việt Nam quy định đặc điểm về nhân thân có thể là tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt. Đối với các đặc điểm về nhân thân được quy định là tình tiết giảm nhẹ TNHS, đó là những tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo cũng như hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội.

Như vậy, sau khi phân tích hai khái niệm về “Tình tiết giảm nhẹ TNHS” và “Nhân thân người phạm tội”, có thể đi đến khái niệm về “các tình tiết giảm

nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội”. Về khái niệm này hiện nay do chưa có công trình nghiên cứu trực tiếp, chuyên sâu về vấn đề này nên chưa có nhiều quan điểm cụ thể.

Theo GS. TSKH Lê Văn Cẩm thì *“Tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là tình tiết có liên quan đến các đặc điểm cá nhân của người phạm tội được quy định trong Phần chung BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết giảm nhẹ do Tòa án tự xem xét, cân nhắc và được ghi rõ trong bản án (nếu trong vụ án hình sự không có tình tiết này), đồng thời là một trong những căn cứ để cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền và Tòa án tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cá thể hóa TNHS và hình phạt của người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt”*. [15, tr.7]. Đây là quan điểm khá chi tiết và đầy đủ và mang tính khái quát cao bởi quan điểm này đã tập hợp được cả hai yếu tố về “giảm nhẹ TNHS” và “nhân thân người phạm tội”, đáp ứng được yêu cầu về cả mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Ở một quan điểm khác, tuy không đưa ra khái niệm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội mà chỉ liệt kê những đặc điểm nhân thân được xem xét khi quyết định hình phạt dựa trên thực tiễn xét xử như: Những đặc điểm nhân thân liên quan trực tiếp với việc thực hiện tội phạm, nói lên mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi phạm tội cũng như của người phạm tội, làm sáng tỏ mặt khách quan, chủ quan của tội phạm, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, khả năng tiếp thu giáo dục, cải tạo của họ (Phạm tội lần đầu, phạm tội do trình độ lạc hậu, do trình độ nghiệp vụ non kém, tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lập công chuộc tội, cải tạo tốt, người chưa thành niên); những đặc điểm khác dù không mang tính pháp lý, không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nhưng lại thuộc đối tượng của các chính sách của Đảng và Nhà nước (Người phạm tội thuộc dân tộc ít

người, có công với đất nước...); Hoặc những đặc điểm phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ (Người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo, đang nuôi con nhỏ...) [Xem: 44, tr. 386].

Tóm lại, từ các nghiên cứu trên có thể rút ra khái niệm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội như sau:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là những trường hợp mà người phạm tội có các đặc tính thể hiện bản chất xã hội của con người mang ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng như khả năng cải tạo cao của người phạm tội nên có giá trị làm giảm nhẹ TNHS mà người phạm tội đáng lẽ ra phải chịu nếu không thuộc các trường hợp đó, được quy định trong BLHS, trong các văn bản liên quan hay trong thực tiễn xét xử vụ án hình sự do Tòa án tự cân nhắc và được ghi rõ trong bản án.

1.1.2. Các đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

Qua việc nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn, có thể rút ra một số đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội như sau:

Thứ nhất, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội phải là những tình tiết thuộc về bản thân của người phạm tội chứ không phải một ai khác. Nhân thân của mỗi con người phản ánh chính con người đó, việc giảm nhẹ TNHS là giành cho chính bản thân họ. Vì vậy, để được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội thì tình tiết đó buộc phải là của chính họ, như vậy mới đảm bảo được sự công bằng và ý nghĩa của việc giảm nhẹ.

Thứ hai, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là căn cứ để giảm nhẹ TNHS cho mỗi cá nhân phạm tội. Qua những tình tiết này có thể thấy mức độ nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội ít hơn của những người không có các tình tiết đó. Ở một số tình tiết như Phạm tội do

lạc hậu thì đó chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội; ở tình tiết người phạm tội tự thú hay thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải thể hiện sự thay đổi tích cực trong suy nghĩ của chính họ; ở tình tiết người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác lại thể hiện về mặt bản chất con người họ vốn dĩ ít nguy hiểm cho xã hội... Như vậy, nếu người phạm tội có những tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân thì họ hoàn toàn xứng đáng để được giảm nhẹ TNHS.

Thứ ba, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội rất đa dạng, phong phú. Đó là bởi đây là một quy định mang tính “mở”. Điều này thể hiện ở việc ngoài 10 tình tiết được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) thì Tòa án được phép áp dụng các tình tiết khác trong từng trường hợp cụ thể theo Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).

Thứ tư, về mức độ giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội đem lại cho người phạm tội tùy thuộc vào sự cân nhắc, xem xét của Tòa án. BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) chỉ quy định chung về việc “Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật; trong trường hợp điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật, thì Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án.” Như vậy, việc các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội có ảnh hưởng như thế nào và mức độ giảm nhẹ ra sao không được pháp luật hình sự quy định cụ thể mà phụ thuộc vào sự cân nhắc của Tòa án. Hơn nữa, với mỗi tình tiết giảm khác

nhau lại có sự ảnh hưởng đến tính chất vụ án khác nhau nên việc xác định mức độ giảm nhẹ phải tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Thứ năm, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định trong BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại Điều 46. Ngoài ra, nó còn được ghi nhận trong Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về Phần chung của BLHS năm 1999. Thậm chí, trong quá trình xét xử, Tòa án có thể tự mình xem xét, cân nhắc coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS và ghi rõ lý do trong bản án.

1.2. Ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội có ý nghĩa to lớn về mặt pháp lý. Bởi khi giải quyết một vụ án hình sự thì việc giải quyết TNHS là vô cùng quan trọng, và cần phải cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS để có thể giải quyết một cách chính xác, đảm bảo công bằng. Để đảm bảo sự tương xứng giữa tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm với mức độ TNHS, các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS được sử dụng như phương tiện để phân hóa TNHS trong luật và cá thể hóa TNHS khi áp dụng. Vì vậy mà các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội có một số ý nghĩa như sau:

Thứ nhất: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là một phương tiện phân hóa TNHS trong luật

Mỗi tình tiết giảm nhẹ TNHS đều có giá trị giảm nhẹ nhất định. Tuy nhiên, không thể đánh đồng giá trị của tất cả các tình tiết này là một. Các nhà làm luật Việt Nam dựa trên sự đánh giá về giá trị của các tình tiết giảm nhẹ TNHS này đã phân biệt các mức độ giảm nhẹ TNHS khác nhau dưới sự ảnh hưởng của một hay một tập hợp các tình tiết giảm nhẹ trong toàn bộ quá trình

giải quyết và thực hiện TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là cơ sở pháp lý cần thiết cho việc vận dụng biện pháp khoan hồng của Nhà nước trong xử lý tội phạm. Thể hiện ở việc không phải mọi hành vi phạm tội đều bị áp dụng đến biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất là hình phạt, không phải mọi trường hợp bị kết án đều phải chấp hành hết thời hạn hình phạt tuyên hay không phải mọi trường hợp đều phải chấp hành ngay hình phạt tù... Và căn cứ để có thể đưa ra các quyết định mang tính khoan hồng đó cơ bản được dựa trên các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng. Điều đó thể hiện vai trò phân hóa TNHS của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội khá rõ nét.

Thứ hai: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội đóng vai trò là phương tiện để cá thể hóa TNHS

Mỗi cá nhân phạm tội lại có những đặc điểm nhân thân riêng biệt, những đặc điểm này khi có đầy đủ các yếu tố để trở thành tình tiết giảm nhẹ TNHS thì sẽ mang lại những giá trị giảm nhẹ TNHS cho cá nhân đó. Vì vậy, đối với mỗi một vụ án, mỗi một người phạm tội thì tình tiết giảm nhẹ lại có giá trị áp dụng khác nhau. Việc này thể hiện ở chỗ đối với mỗi loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng lại có một khung hình phạt riêng mà khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa khá rộng. Khi quyết định hình phạt, cần phải cân nhắc đến các căn cứ để quyết định hình phạt một cách công minh nhất. Với vai trò là một trong những căn cứ đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được sử dụng như một phương tiện để cá thể hóa TNHS. Và đối với mỗi tội phạm, trong khung hình phạt quy định thì tùy vào từng trường hợp cụ thể để áp dụng các tình tiết đó để giảm nhẹ TNHS một cách hợp lý và công bằng, đảm bảo ý nghĩa của việc giảm nhẹ TNHS và đem lại hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ ba: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là một trong những điều kiện cần thiết để đạt được mục đích của hình phạt

Mục đích chính của hình phạt ngoài việc trừng trị thì quan trọng hơn cả là cải tạo người phạm tội, khiến họ nhận ra sai lầm của mình và sửa chữa nó. Vì vậy, khi giải quyết vấn đề TNHS, nếu không thỏa đáng hoặc quá khắt khe sẽ tạo ra sự bất mãn và không đạt được mục đích của hình phạt. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội với vai trò là căn cứ để quyết định hình phạt sẽ đem lại sự công bằng và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Từ đó người phạm tội sẽ phần nào nhận thức rõ ràng và chấp nhận hình phạt tốt hơn. Hay nói một cách khác, các tình tiết giảm nhẹ TNHS sẽ đem lại cho họ hy vọng và cảm giác họ vẫn là người có ích cho xã hội để họ có thể nhận ra sai lầm và cải tạo bản thân. Trong quá trình kết án, các tình tiết này giống như phương tiện để khuyến khích họ phục thiện bằng chính bản thân trong khi cải tạo. Đó cũng chính là mục đích to lớn nhất của hình phạt. Đây là một ý nghĩa quan trọng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội.

Ngoài các ý nghĩa pháp lý nêu trên, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội còn thể hiện ý nghĩa xã hội đó là thực hiện công bằng xã hội và thực hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước trong lĩnh vực xử lý tội phạm. Nó thể hiện ở chỗ từ ý nghĩa cá thể hóa TNHS của mỗi cá nhân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội đem lại sự công bằng đối với người phạm tội. Đảm bảo việc xử đúng người đúng tội, làm cho phán quyết về TNHS sát hơn với từng trường hợp cụ thể. Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là một đảm bảo quan trọng để thực hiện công bằng xã hội ngay cả khi một công dân là người phạm tội. Bên cạnh đó, chính sách hình sự nước ta có một nội dung vô cùng quan trọng đó là khoan hồng. Để hiện thực hóa nội dung này, các tình tiết

giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội đã trở thành công cụ hiệu quả nhất để thực hiện sự nhân đạo, khoan hồng đó. Điều này thể hiện ở việc khi đã có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội thì TNHS của người phạm tội sẽ được giảm đi đáng kể và hạn chế sử dụng những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc. Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện công bằng xã hội và thực hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam.

Tóm lại, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội có ý nghĩa vô cùng to lớn trên phương diện pháp lý hay xã hội. Vì vậy, việc quy định và nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội luôn là mục tiêu của pháp luật hình sự để đem lại công bằng trong khi xét xử cũng như hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

1.3. Lược khảo sự hình thành và phát triển của các quy phạm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam

1.3.1. Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ phong kiến

Trong thời kỳ phong kiến, luật hình sự là ngành luật chiếm ưu thế trong nền pháp luật của nước ta. Điển hình là các bộ luật như bộ Hình Thư (thời vua Lý Thái Tông), bộ Hình luật thư (thời vua Trần Dụ Tông), bộ Quốc triều Hình luật (triều Lê), bộ Hoàng Việt luật lệ (Nhà Nguyễn)... Hầu hết mọi điều khoản trong các bộ luật cổ đều được chế tài về phương diện hình sự. Do vậy, trong các bộ luật cổ này cũng có nhiều quy định về các tình tiết giảm nhẹ tội. Đặc biệt với khía cạnh nhân thân của con người được lấy làm tiêu chí để xét giảm nhẹ tội nhiều hơn cả.

Các tình tiết giảm tội được quy định chủ yếu là quy định tại phần các tội phạm cụ thể. Đó là do các quy định pháp lý thời kỳ này chủ yếu là mang tính áp dụng trực tiếp, ít được mô hình hóa ở mức khái quát cao như luật hiện đại. Mặt khác, chế tài thời phong kiến thường quy định ở dạng chế tài tuyệt đối, tương ứng với mỗi trường hợp phạm tội, luật quy định mức hình phạt cụ thể. Vì vậy buộc nhà làm luật phải quy định rất chi tiết các trường hợp tăng nặng, giảm nhẹ ngay trong các quy phạm pháp luật về tội phạm. Chính vì vậy, các tình tiết giảm nhẹ tội thường được quy định tại phần các tội phạm chứ rất ít quy định trong phần Danh lệ.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thời kì phong kiến Việt Nam khá đa dạng phản ánh chủ yếu đặc điểm về nhân thân người phạm tội căn cứ vào địa vị xã hội, quan hệ gia đình, độ tuổi...

1.3.1.1 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS liên quan đến địa vị xã hội hoặc vị trí trong gia đình hoặc tính chất đặc biệt về nghề nghiệp của người phạm tội.

Quy định về những tình tiết giảm nhẹ tội trong pháp luật hình sự phong kiến bị chi phối bởi những quan niệm nho giáo về những quan hệ rường cột trong xã hội cần được pháp luật bảo vệ, thể hiện ở việc quy định giảm tội cho những người thuộc bát nghị, cho những người có vị trí trong xã hội và gia đình. Cụ thể tại Điều 3 Quốc triều hình luật đã quy định tám điều được nghị xét giảm tội như sau:

- 6) Nghị thân (người bà con gần vua);
- 7) Nghị cố (người cố cữu của hoàng gia);
- 8) Nghị công (người có công trạng lớn đẹp giặc);
- 9) Nghị hiền (người có đức hạnh lớn, quân tử);
- 10) Nghị năng (người có tài trong quân sự, chính trị);
- 11) Nghị cần (người siêng năng, năng nổ việc quan quân);
- 12) Nghị quý (những quan vào bậc cao quý);

13) Nghị tâu (đối với khách là người nối sau của triều trước).

Đối với những người thuộc diện bát nghị mà phạm tội có thể bị tử hình, các quan nghị án chỉ được xét tội cho đúng với pháp luật và dâng lên vua quyết định. Nếu phạm tội với loại hình phạt cao nhất là lưu hình, thì được giảm một bậc, trừ trường hợp phạm tội thập ác theo Điều 4 Quốc triều hình luật [Xem: 53, tr.37]

Giảm tội được đặt ra cho những người hưởng lệ ảm của ông bà, cha mẹ. Điều 12 Quốc triều hình luật quy định : “Con cháu những bậc được dự vào nghị công mà có tội thì theo lệ ảm của ông bà cha mẹ mà nghị giảm”. Điều 5 Hoàng Việt luật lệ quy định lệ ảm có phần rộng hơn so với Bộ Quốc triều hình luật thể hiện lệ ảm không chỉ được áp dụng với con cháu của người dự nghị công mà là ông bà nội, cha mẹ, vợ và con, cháu của người thuộc bát nghị mà phạm tội cũng được nghị như bản thân. Những biệt đãi này không áp dụng cho tội thập ác.

Qua chế định “bát nghị” cho thấy việc giảm tội được đặt ra cho những người có vị trí cao của xã hội, có quyền lợi gắn bó với nhà vua, với chế độ đương thời thể hiện rất rõ nét tính giai cấp trong quan niệm về các tình tiết giảm nhẹ tội theo pháp luật hình sự phong kiến trên cơ sở quan niệm vua tôi của nho giáo. Đây là điểm khác biệt khá lớn xét trên khía cạnh các tình tiết giảm nhẹ TNHS của pháp luật thời phong kiến với pháp luật hiện đại.

1.3.1.2. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS liên quan đến độ tuổi, hoàn cảnh gia đình

Dưới ảnh hưởng của nho giáo, pháp luật hình sự thời phong kiến đã có một số quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS dựa trên độ tuổi và hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ trong gia đình. Thể hiện ở việc khoan hồng đối với người phạm tội là trẻ em, người già, người bị bệnh tật nặng như phế tật, ác tật và coi các tình trạng này như một trong những cơ sở để giảm nhẹ tội hoặc miễn tội.

Thời kỳ Lê Sơ đã có những quy định mang tính nhân đạo cao dựa trên độ tuổi của người phạm tội để xét giảm hình phạt. Tại Điều 14 Quốc triều hình luật đã quy định những trường hợp phạm tội với lỗi vô ý hoặc phạm tội ở độ tuổi từ 70 tuổi trở lên, từ 15 tuổi trở xuống hoặc người phạm tội bị tàn phế mà mức hình phạt từ lưu hình trở xuống, thì cho chuộc bằng tiền. Điều 16 Bộ luật này cũng quy định những trường hợp phạm tội ở độ tuổi từ 80 trở lên, 10 tuổi trở xuống và đáng bị tử hình cũng phải tâu lên Vua xét định, còn người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống, dẫu có bị kết án tử hình cũng không được hành hình. [Xem: 53, tr.38]

Cũng theo chính sách nhân đạo đó, Hoàng Việt luật lệ đã quy định về vấn đề này. Đối với tuổi chịu TNHS tại Điều 84 đã quy định: “Phàm người nào, phạm tội mà khi sự phát mới đầu 10 tuổi trở xuống, hoặc đã 90 tuổi trở lên, thời khởi phải chịu tội về mặt hình, trừ ra người già phạm tội đại hình có phương ngại đến sự trị an của Nhà nước thời không kể”; hay về chế định đồng phạm ở Điều 21 – Nhận giá chuộc tội đối với người già, trẻ em, người tàn phế đã quy định: “90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống, dù có phạm tội chết cũng không chịu hình phạt nào. Có ai xúi giục thì bắt tội người ấy”. [Xem: 53, tr.76]

Xuất phát từ đạo đức của người phương Đông về trách nhiệm hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, pháp luật thời phong kiến cho phép con cháu chịu tội roi, trượng thay thế cho ông bà, cha mẹ. Việc chịu tội thay đó được coi là một tình tiết giảm tội tại Điều 38 Quốc triều hình luật. Hoàng Việt luật lệ không có quy định về vấn đề này nhưng lại có quy định về ân giảm cho người phạm tội còn phải nuôi dưỡng cha mẹ tại Điều 17 quyền 2 Hoàng Việt luật lệ.

1.3.1.3. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà người phạm tội tự thú, thành thật khai báo

Tự thú, thành thật khai báo là những tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Điều này được quy định tại Điều 18 Quốc triều hình luật : “Phàm phạm tội chưa bị

phát giác mà tự thú trước thì được tha tội. Phạm tội thập ác và giết người thì không theo luật này. Phạm tội nhẹ đã bị phát giác mà thú cả tội nặng nữa, nhân hỏi về tội đương xét mà thú thêm các tội khác nữa thì được tha cả mọi tội. Phạm tội thập ác và giết người thì không theo luật này. Còn nhờ người thú thay, thì không được tha tội. Tự thú mà không thú thật hay thú không hết, thì chỉ cho giảm tội một bậc. Về tang vật mà không thú hết, thì theo chỗ thú không hết mà xử tội. Biết có người sắp tố giác mình, mà mình mới tự thú thì cũng cho giảm một bậc. Phạm tội cùng đi trốn, mà biết bắt nhau đem nộp quan thì cũng được tha tội”. [Xem: 53, tr.38]

Cho đến thời kỳ Lê Trung Hưng, ở Đàng Ngoài, pháp luật thời kỳ nhà Lê Sơ về cơ bản vẫn được áp dụng. Về tình tiết “Tự thú”, năm 1664 vua Lê Huyền Tông đã hạ lệnh cho phạm nhân nào trước kia trốn tránh, nay ra tự thú sẽ được xét người phạm tội nặng giảm cho nhẹ, người phạm tội nhẹ được tha bổng.

Tương tự như vậy, tại Điều 24 Hoàng Việt luật lệ của triều Nguyễn cũng quy định rằng: “Phạm người phạm tội, tội chưa phát giác mà biết tự thú, thì miễn buộc tội. Nếu người ăn đút lót, tuy miễn tội, vẫn phải truy thu chính tang vật. Còn người phạm tội nhẹ bị phát giác, nhân đó tự thú tội nặng, thì miễn phạt tội nặng ấy...Kẻ phản (như phản lại nước mình) mà tự thú thì được giảm hai bậc tội. Kẻ bỏ trốn và kẻ phản quốc, dù không tự thú, nhưng trở về nhà thì được giảm hai bậc tội”. Điều đó thể hiện ngay từ thời xa xưa, các nhà lập pháp cũng đã quy định rất chi tiết, cụ thể về tình tiết giảm nhẹ “Tự thú và thành khẩn khai báo”. Và quy định các điều kiện để áp dụng hết sức chặt chẽ. [Xem: 53, tr.60]

Như vậy, pháp luật thời kỳ phong kiến nói chung và các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng đã phản ánh những đặc trưng về chính trị, tư tưởng của thời kỳ phong kiến. Mặc dù những quy định đó đến nay đã không còn phù hợp nhưng đó đã là nền móng đầu tiên cho việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS của pháp luật hình sự hiện đại.

1.3.2 Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc

Pháp luật thời kỳ Pháp thuộc mang tính chất thực dân – phong kiến do xã hội Việt Nam lúc bấy giờ chịu sự bảo hộ của thực dân Pháp. Các bộ luật hình thời kỳ này được xây dựng chủ yếu trên cơ sở tư tưởng pháp lý phương Tây với ba bộ luật hình: Hình luật Bắc phần, Hình luật Trung phần, Hình luật Canh cải. Những quy định của pháp luật phong kiến mà trái với tư tưởng pháp lý tư sản phương Tây đều bị loại bỏ (chế định Bát nghị, các hình phạt mang tính hà khắc, trách nhiệm tập thể...). Tuy nhiên, các quy định nào thể hiện đặc thù của xã hội Việt Nam mà không trái với tư tưởng pháp lý phương Tây thì vẫn tiếp tục được duy trì (tính nhân đạo, trật tự gia đình...). Do vậy, một số tình tiết giảm nhẹ TNHS từ thời phong kiến vẫn được duy trì trong giai đoạn này như : tình tiết giảm nhẹ vì có quan hệ gia đình như việc trộm cắp, lừa gạt, sang đoạt giữa vợ chồng hoặc những người có quan hệ gia đình như tôn thuộc, ty thuộc (Điều 380 Hình luật Canh cải; Điều 260 Hình luật Trung phần; Điều 355 Hình luật Bắc phần)...

Các bộ luật hình thời kỳ này về cơ bản cũng gồm hai phần đặc trưng là Phần đầu quy định về những vấn đề chung và phần thứ hai quy định về các loại tội phạm cụ thể. Các tình tiết giảm nhẹ thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại phần chung bao gồm : Người phạm tội là người già; Người phạm tội là phụ nữ có thai; Người phạm tội là trẻ vị thành niên; Phạm tội trong tình trạng bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Hạnh kiểm tốt.

Một điểm tiến bộ hơn so với pháp luật thời phong kiến đó là pháp luật thời kỳ này đã coi hình phạt là công cụ đấu tranh phòng chống tội phạm chứ không phải là công cụ trả thù của xã hội. Điều này được thể hiện qua việc quy định về một số biện pháp tha miễn mới và có mức độ giảm nhẹ cao hơn như

án treo (biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện trong thời hạn 5 năm trên cơ sở đạo luật Beranger 26/03/1891 của Pháp); phóng thích có điều kiện (trên cơ sở Luật về phóng thích có điều kiện của Pháp 14/08/1885); miễn chấp hành hình phạt do hết thời hiệu thi hành án.

Có thể thấy những tình tiết giảm nhẹ tại thời kỳ này tương tự như các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong pháp luật hình sự hiện hành. Đây là cơ sở quan trọng để các nhà lập pháp xây dựng và hoàn thiện các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong thời kỳ pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam lần thứ nhất cũng như trong thời kỳ sau này cho đến hiện tại. [Xem: 53]

1.3.3 Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ 40 năm trước pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam lần thứ nhất (1945 – 1985)

Cách mạng tháng tám chấm dứt sự đô hộ của thực dân Pháp tại Việt Nam. Sau khi xóa bỏ hệ thống pháp luật của thực dân phong kiến, hệ thống pháp luật mới dần được hình thành và trở thành công cụ phục vụ sự nghiệp giữ gìn độc lập tự do của Tổ quốc và xây dựng xã hội mới. Trong những năm đầu tiên giành chính quyền, các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được ghi nhận trong các điều luật độc lập áp dụng chung cho các tội phạm được quy định trong các văn bản đó. Pháp luật thời kỳ này tuy đã có một sự khái quát hóa nhất định so với việc quy định các tình tiết giảm nhẹ với từng tội cụ thể, nhưng các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn chưa được đặt tên mà mới chỉ ra những trường hợp đáng được khoan hồng trong một số văn bản cụ thể. Nhưng nó cũng thể hiện việc mở rộng khả năng áp dụng của tình tiết giảm nhẹ TNHS về nhân thân người phạm tội cho tất cả tội phạm, là cơ sở để xây dựng các nguyên tắc chung sau này. Có thể kể đến một số quy định tại Điều IV Sắc lệnh số 33C về việc thiết lập các toà án quân

sự do Chủ tịch Chính phủ lâm thời ban hành ngày 13/09/1945 đã quy định : “Nếu có những lý do chính đáng khoan hồng vì ít tuổi, vì biết hối quá, vì lầm lẫn, v.v..., thì toà án có thể cho tội nhân được hưởng án treo. Nghĩa là bản án làm tội tuyên lên, nhưng không thi hành; nếu trong năm năm bắt đầu từ ngày tuyên án, tội nhân không bị Toà án quân sự làm tội một lần nữa về việc mới thì bản án đã tuyên sẽ huỷ đi, coi như là không có; nếu trong hạn năm năm ấy, tội nhân bị kết án một lần nữa trước Toà án quân sự thì bản án treo sẽ đem thi hành”; Điều thứ 2 Sắc lệnh số 223 về việc ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ do Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ban hành ngày 27/11/1946 cũng quy định như sau : “Người phạm tội đưa hối lộ cho một công chức mà tự ý cáo giác cho nhà chức trách việc hối lộ ấy và chứng minh rằng đã đưa hối lộ là vì bị công chức cưỡng bách ước hứa hay là dùng cách trả nguy thôi người ấy được miễn hết các tội. Trong trường hợp này, tang vật hối lộ được hoàn lại”; Sắc lệnh số 133/SL về việc trừng trị các loại Việt gian phản động do Chủ tịch nước ban hành ngày 20/1/1953 tại Điều 2 quy định về nguyên tắc xử lý như sau : “Việc xét xử và trừng trị dựa theo những nguyên tắc sau đây: nghiêm trị bọn chủ mưu, cầm đầu, bọn ngoan cố; khoan hồng đối với những người bị lừa phỉnh, bị ép buộc, lầm đường”, Điều 17 quy định : “Kẻ nào phạm các tội kể trên, mà ở vào một trong những trường hợp sau đây có thể xét xử một cách khoan hồng (giảm nhẹ tội, hoặc tha bổng): a) Trước khi bị truy tố, thành thực hối cải, lập công chuộc tội; b) Tự mình thành thực tự thú, khai rõ ràng những âm mưu và hành động của mình và của đồng bọn; c) Bị ép buộc, lừa dối mà chưa làm hại nhiều cho nhân dân”; Điều 7 Sắc lệnh số 151/SL về việc trừng trị địa chủ chống pháp luật trong khi và ở những nơi phát động quần chúng thi hành chính sách ruộng đất do Chủ tịch Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hoà ban hành ngày 12/04/1953 quy định :

“Phạm những tội trên chưa phát giác ra mà kẻ phạm tội thực thà tự thú thì tùy tội nặng nhẹ, thái độ hối lỗi mà xử nhẹ hoặc tha bổng”.

Cho đến giai đoạn sau, các căn cứ quyết định hình phạt đã được ghi nhận rõ hơn trong Báo cáo tổng kết công tác năm 1962 của Tòa án nhân dân tối cao: “Các Tòa án đã dựa vào ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa, chú trọng đến tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đến nhân thân của bị cáo, đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ”. Hướng dẫn của Báo cáo này là một bước tiến bộ về khoa học luật hình sự và là tiền đề cho việc các căn cứ quyết định hình phạt cũng như việc quy định các tình tiết giảm nhẹ cụ thể hơn tại các văn bản pháp luật sau này. Nhờ đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định khái quát hơn thành một danh mục và có tên gọi về cơ bản là “Các trường hợp giảm nhẹ hoặc miễn hình phạt”. Điều 20 Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng do Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/10/1967 quy định về những trường hợp giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn hình phạt, trong đó thuộc về nhân thân bao gồm có một số tình tiết như tội phạm chưa bị phát giác mà thành thật tự thú, khai rõ những âm mưu và hành động của mình và của đồng bọn; Bị bắt, nhưng trước khi bị xét xử đã tỏ ra thành thật hối cải, lập công chuộc tội. Tương tự đó là Điều 23 về những trường hợp xử nhẹ hoặc miễn hình phạt của Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970; Điều 19 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970...

Có thể nói mặc dù chưa có văn bản quy phạm pháp luật hình sự nào quy định chung về những tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhưng sự ra đời của Công văn số 38-NCPL ngày 16/01/1976 của Tòa án nhân dân tối cao đã đánh dấu một bước tiến bộ rõ rệt về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc nhân thân người phạm tội trong công tác xét xử. Công văn này là sự tổng kết việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc nhân thân người phạm tội

trong thực tiễn xét xử, đã có tác dụng hạn chế sự tùy tiện trong việc áp dụng. Trong đó quy định về những tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc nhân thân người phạm tội bao gồm : người phạm tội là người chưa thành niên; người phạm tội là phụ nữ có thai; trình độ lạc hậu của người phạm tội; trình độ nghiệp vụ tay nghề non kém; phạm tội nhẹ lần đầu; người phạm tội tự thú; người phạm tội thành khẩn khai báo; người phạm tội lập công chuộc tội hoặc cải tạo tốt; người phạm tội là người có quá trình tốt hoặc là người có công; hoàn cảnh khó khăn đáng kể hiện nay của bản thân người phạm tội hay gia đình họ; gia đình người phạm tội là gia đình tốt, gia đình có công.

Qua đó chứng tỏ rằng các văn bản quy phạm pháp luật hình sự thời kỳ này là nền tảng quan trọng cho việc xây dựng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS 1985. [Xem: 53]

1.3.4 Quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam từ sau khi thông qua BLHS Việt Nam đầu tiên (1985) cho đến nay

Sau lần pháp điển hóa lần thứ nhất năm 1985, BLHS ra đời thể hiện một sự tiến triển vượt bậc trong lĩnh vực lập pháp. Trong Bộ luật này, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định cụ thể thành một điều và mang tính áp dụng chung cho tất cả các loại tội phạm. Các tình tiết này được quy định tại Điều 38 BLHS 1985 với tên gọi “Những tình tiết giảm nhẹ”, trong đó có một số tình tiết giảm nhẹ thuộc về nhân thân người phạm tội bao gồm:

- Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Khoản d)
- Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (Khoản e)
- Phạm tội do trình độ lạc hậu hoặc do trình độ nghiệp vụ non kém (Khoản g)
- Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm (Khoản h)

Ngoài ra, BLHS 1985 cũng đã quy định về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 38 như sau:

“2. Khi quyết định hình phạt, Toà án có thể coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi trong bản án.

3. Khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Toà án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất mà Điều luật đã quy định hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ này phải được ghi trong bản án”.

Về cơ bản, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại BLHS 1985 tương đối đầy đủ và giống như quy định tại BLHS 1999. Việc khái quát hóa thành một quy định mang tính chất chung như vậy không chỉ thể hiện một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp, mà nó còn đem lại hiệu quả cao trong việc vận dụng các tình tiết này trong thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Tuy nhiên, khi BLHS 1985 có hiệu lực thi hành thì cũng là lúc sự nghiệp đổi mới bắt đầu. Sự thay đổi các mặt của đời sống xã hội, trong đó đổi mới về kinh tế giữ vai trò quan trọng không chỉ là cơ sở mà còn là đòi hỏi cấp bách đối với sự thay đổi của pháp luật nói chung cũng như của luật hình sự nói riêng. BLHS 1985 với ý nghĩa là nguồn duy nhất trong đó quy định tội phạm và hình phạt được xây dựng trên cơ sở kinh tế xã hội của nền kinh tế bao cấp và trên cơ sở thực tiễn của tình hình tội phạm của thời kì đó. Do vậy, có thể nói ngay khi ra đời BLHS 1985 đã ở trong tình trạng không phù hợp với chủ trương đổi mới cũng như những đòi hỏi của đổi mới. Để đáp ứng và phục vụ công cuộc đổi mới luật hình sự buộc phải có những thay đổi mang tính phát triển. Sự phát triển này được thể hiện trước hết và chủ yếu trong những sửa đổi, bổ sung của Bộ luật này thông qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung cho đến năm 1999.

BLHS năm 1999 được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung một cách tương đối toàn diện BLHS năm 1985 nhưng có kế thừa những nội dung hợp

lí, tích cực của Bộ luật này qua bốn lần sửa đổi, bổ sung. So với BLHS 1985, BLHS 1999 có những thay đổi cơ bản mang tính tương đối toàn diện thể hiện sự phát triển mới của Luật hình sự Việt Nam. Trong đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội cũng có những sự điều chỉnh nhất định. Cụ thể, bên cạnh việc giữ nguyên tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” (Điểm h Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999), thì có một số thay đổi như việc loại bỏ tình tiết “do trình độ nghiệp vụ non kém” (Khoản g Điều 38 BLHS 1985) mà chỉ giữ lại tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” (Điểm k Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999). Đồng thời tách tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” (Khoản e Điều 38 BLHS 1985) thành ba tình tiết riêng biệt như quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 là “Người phạm tội là phụ nữ có thai” (Điểm l); “Người phạm tội là người già” (Điểm m) và “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” (Điểm n). BLHS 1999 cũng tách tình tiết “Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm” (Khoản h Điều 38 BLHS 1985) thành ba tình tiết tương ứng tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 là “Người phạm tội tự thú” (Điểm o); “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” (Điểm p); “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm” (Điểm q). Ngoài ra, BLHS 1999 còn quy định thêm hai các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội mới so với BLHS 1985 đó là “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” (Điểm r) và “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” (Điểm s).

Việc tách các tình tiết ra như vậy hoàn toàn thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta. Bởi lẽ, trong thực tiễn xét xử, nếu người phạm tội có

càng nhiều tình tiết giảm nhẹ thì TNHS mà họ phải chịu càng ít đi. Và việc thêm hai tình tiết mới cũng là dựa vào thực tiễn xét xử đó là những trường hợp mà thường xuyên gặp phải, và đáng được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Chính vì thế, những sự thay đổi về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội của BLHS 1999 là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn lúc bấy giờ [Xem: 53].

Chương 2

CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THUỘC VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ BỘ LUẬT HÌNH SỰ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA KHÁC

2.1. Các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

2.1.1 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 46

Căn cứ vào các khái niệm đã nêu tại Chương I, có thể phân loại trong các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, các tình tiết giảm nhẹ thuộc về nhân thân người phạm tội gồm có:

- 1) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- 2) Phạm tội do lạc hậu;
- 3) Người phạm tội là phụ nữ có thai;
- 4) Người phạm tội là người già;
- 5) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- 6) Người phạm tội tự thú
- 7) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải
- 8) Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm
- 9) Người phạm tội đã lập công chuộc tội
- 10) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

2.1.1.1. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS)

Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Đây không phải là tình tiết mới mà đã được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 BLHS năm 1985. Tình tiết này được áp dụng khá nhiều trong thực tiễn xét xử, tuy nhiên do đến nay vẫn chưa có một giải thích hoặc hướng dẫn nào cụ thể nên việc áp dụng đôi khi vẫn không đúng pháp luật, không có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

“Khi vận dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cần phải nắm vững cả hai vế : Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sai lầm của một số Thẩm phán thường là chỉ quan tâm đến vế thứ nhất là phạm tội lần đầu mà không chú ý vế thứ hai là “và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” – đây là lưu ý của Tòa án nhân dân tối cao tại Hội nghị tổng kết công tác chống tham nhũng và buôn lậu 1992. Có thể thấy, nếu tách hai vế này ra thì nó hoàn toàn không liên quan đến nhau, thuộc hai trường hợp riêng biệt đó là “Phạm tội lần đầu” và “Thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Tuy nhiên, nhà làm luật đã sử dụng liên từ “và” ở đây để kết nối hai vế, tạo yếu tố cần và đủ để xác định một tình tiết có phải là tình tiết giảm nhẹ hay không. Tuy nhiên, để có thể vận dụng một cách chính xác tình tiết này, ta cần xem xét kỹ nội dung của từng vế. [Xem: 33, tr.181]

a) Phạm tội lần đầu:

Trong thực tiễn xét xử hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về việc xác định thế nào là “Phạm tội lần đầu”:

- Người phạm tội lần đầu là lần đầu tiên người đó bị kết án [Xem: 70, tr.119]. Cơ sở của ý kiến này đó là việc chỉ khi một người bị đưa ra xét xử thì mới dẫn đến quyết định hình phạt, và khi quyết định hình phạt thì mới cần căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Nếu một người đã có nhiều lần phạm tội nhưng chưa lần nào bị đưa ra xét xử và bị kết án thì không thể coi là đã phạm tội.

- “Phạm tội lần đầu” là việc bị đưa ra xét xử và kết án [Xem: 33, tr.183]. Kể cả trước đó họ đã bị kết án, nhưng nay đã được xóa án tích, và từ lúc xóa án tích đến khi đưa ra xét xử lần này là lần đầu tiên thì cũng được coi là phạm tội lần đầu.

- “Phạm tội lần đầu” là lần đầu tiên thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà theo quy định của pháp luật hình sự là tội phạm [Xem: 70, tr.119]. Tức là không cần quan tâm họ đã bị đưa ra xét xử trước đó hay chưa, mà chỉ cần họ đã thực hiện hành vi phạm tội thì họ không thể coi là phạm tội lần đầu.

- Phạm tội lần đầu là trường hợp của người chỉ mới lần đầu tiên phạm tội mà trước đó chưa phạm tội ấy cũng như chưa phạm bất kỳ một tội nào khác được quy định trong luật hình sự [Xem: 33, tr.391]

Sở dĩ có sự nhận thức khác nhau như vậy là do hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn chính thức về tình tiết này. Do vậy, trong thực tiễn xét xử phụ thuộc vào trình độ cũng như quan điểm của Thẩm phán nên có những cách vận dụng khác nhau.

Có thể thấy, căn cứ vào lý luận về tội phạm thì hành vi phạm tội luôn tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào nhận thức của con người. Một hành vi nguy hiểm cho xã hội đáp ứng đầy đủ các yếu tố cấu thành của một tội phạm thì luôn là tội phạm cho dù nó đã được phát hiện hay chưa. Việc xác định tội phạm vì thế mà không phụ thuộc vào việc hành vi đó có bị phát hiện và xử lý hay không. Chính vì thế không thể lấy việc hành vi đó đã bị phát hiện và đưa ra xét xử để làm cơ sở của việc xác định phạm tội lần đầu. Hơn nữa, trong thực tế có thể có những người thực hiện liên tiếp nhiều hành vi phạm tội nhưng các cơ quan chức năng vẫn chưa thể phát hiện ngay tức khắc và đưa ra xét xử được. Khi phát hiện ra phải xét xử về tất cả các tội phạm đã được thực hiện. Vì vậy mà xét trên lý luận về phạm nhiều tội thì cũng không thể lấy mốc đã bị kết án để xác định một người là phạm tội lần đầu hay không.

Có một số ý kiến cho rằng những người đã bị kết án, sau đó đã được xóa án tích mà phạm một tội mới thì cũng là phạm tội lần đầu. Tuy nhiên, phải thấy rằng theo Điều 63 BLHS quy định: “Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án”, như vậy những người đã bị kết án và đã được xóa án tích thì chỉ coi như chưa bị kết án, chứ không phải coi như chưa phạm tội. Bởi vì thực tế là họ đã thực hiện hành vi phạm tội chứ không thể coi như chưa từng thực hiện hành vi phạm tội nào. Việc “coi như chưa bị kết án” chỉ nhằm mục đích làm căn cứ xác định các trường hợp không thuộc tái phạm, tái phạm nguy hiểm hay tiền án, tiền sự. Một người đã thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nhiều lần, nay được xóa án tích thì có thể coi là không phải tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hay không phải có tiền án hoặc tiền sự. Tuy nhiên, họ chính xác vẫn là những người đã từng phạm tội chứ không thể coi là chưa từng phạm tội và nay mới là phạm tội lần đầu.

Theo cá nhân tôi, tôi đồng ý với quan điểm thứ ba bởi nó phù hợp với cả lý luận và thực tiễn hơn các quan điểm còn lại. Quan điểm này phù hợp với lý luận về tội phạm trong pháp luật hình sự về sự tồn tại khách quan của tội phạm. Đồng thời nó cũng sẽ đem lại hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội phạm trong thực tiễn tốt hơn.

b. Thuộc trường hợp ít nghiêm trọng

Để xác định một tình tiết có phải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hay không thì phải dựa trên nhiều tiêu chí. Trong thực tiễn xét xử, đa phần các thẩm phán thường dựa vào việc xác định đó có phải là “tội ít nghiêm trọng” hay không – tức là sẽ dựa vào việc xác định là tội phạm gây nguy hại không lớn và mức cao nhất của khung hình phạt là ba năm theo Khoản 3 Điều 8 BLHS. Trong BLHS hiện hành, có tội sẽ có một khung hình phạt hoặc có tội lại có nhiều khung hình phạt tương ứng với bốn loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Những trường hợp

này thì khá dễ dàng trong việc xác định đâu là tội ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, luật cũng quy định một số loại tội thì luôn là tội ít nghiêm trọng và có tội thì luôn là tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Nếu chỉ căn cứ vào khung hình phạt thì đôi khi không đem lại sự công bằng. Bởi lẽ có thể cùng một tội nhưng với những mức độ tham gia thực hiện tội phạm, cách thức thực hiện, hậu quả đem lại... khác nhau thì không thể coi là những hành vi giống nhau và đều thuộc trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng được. Chính vì vậy, việc xác định thế nào là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng phải được xem xét dựa trên nhiều cơ sở khác nhau: về mức độ nguy hiểm của hành vi tương ứng với mức thấp của khung hình phạt, cách thức thực hiện tội phạm đơn giản, vai trò tham gia thực hiện tội phạm là thứ yếu, tác hại của tội phạm không lớn hoặc đã được hạn chế... Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ phải phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của từng trường hợp phạm tội để đem lại sự công bằng, khách quan nhất.

Thực tiễn xét xử, có Tòa án chỉ xác định về thứ nhất là “Phạm tội lần đầu” mà không xác định về thứ hai là “Thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Đây là một sai lầm nghiêm trọng bởi điều kiện áp dụng của tình tiết này phải có đầy đủ cả hai về vừa là phạm tội lần đầu, vừa là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Chỉ khi hội tụ đủ hai yếu tố đó thì mới được phép áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.

2.1.1.2. Phạm tội do lạc hậu (Điểm k Khoản 1 Điều 46 BLHS)

Trình độ hiểu biết là một trong những đặc điểm nhân thân nổi bật của một con người. Có những người có thể có những hiểu biết rất phong phú, đa dạng, hiện đại nhưng cũng có những người rất hạn chế về mặt hiểu biết. Pháp luật hình sự đã nhìn nhận một cách khoa học về những trường hợp người phạm tội hạn chế về mặt hiểu biết do hoàn cảnh khách quan gây ra để xác định là một trong những tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Phạm tội do lạc hậu có thể hiểu là phạm tội do sự hạn chế về mặt nhận thức, không phù hợp với sự phát triển của xã hội bởi những điều kiện khách quan. Những người phạm tội do lạc hậu là những người do đời sống sinh hoạt khó khăn, không hiểu biết về mặt pháp luật và chỉ thực hiện theo phong tục tập quán lạc hậu, cổ hủ đi ngược lại với sự hiện đại của loài người. Vì vậy mà khi họ thực hiện hành vi phạm tội nhưng họ lại nghĩ đó là hành vi đúng đắn, phù hợp với lợi ích của họ. Họ không nhận thức được hoặc nhận thức rất kém về tính sai trái của nó.

Như vậy, điều kiện cơ bản nhất để áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đó là nguyên nhân dẫn đến sự lạc hậu, kém hiểu biết đó phải là nguyên nhân khách quan, do những yếu tố bên ngoài đem lại. Ví dụ như không được đi học, không được tiếp xúc với văn minh xã hội hay các quy định của pháp luật... Những nguyên nhân thường gặp đó là do đa số người phạm tội ở những vùng xa xôi hẻo lánh, do các điều kiện về địa lý, giao thông, điều kiện kinh tế của họ rất khó khăn nên họ không nhận biết được cái tiến bộ. Đa phần họ suy nghĩ và hành xử theo phong tục tập quán, tín ngưỡng khá lạc hậu, cổ hủ và phản khoa học.

Một điều cần chú ý khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đó là mối liên kết giữa sự lạc hậu đó và hành vi phạm tội. Cần phải xác định hành vi phạm tội đó thực hiện do trình độ lạc hậu hay không. Có thể có những vấn đề họ thực sự không hiểu biết do lạc hậu nhưng vấn đề liên quan đến hành vi phạm tội thì họ lại hiểu biết rất rõ.. Việc xác định tình tiết này trong thực tế phải được dựa vào nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh thực hiện tội phạm, các tình tiết khác có liên quan đến nhận thức của người phạm tội. Chính vì vậy mà khi áp dụng tình tiết này phải đánh giá một cách chính xác và khách quan thì mới đem lại hiệu quả áp dụng.

Về mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ lạc hậu của người phạm tội và mức độ liên quan của sự lạc hậu đó với hành vi phạm

tội. Đồng thời, mức độ giảm nhẹ cũng phụ thuộc vào các điều kiện khách quan về kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương của người phạm tội.

2.1.1.3. Người phạm tội là phụ nữ có thai (Điểm 1 Khoản 1 Điều 46 BLHS)

Nhân đạo là sự đối xử nhân từ, độ lượng, khoan dung với con người, chăm lo cho con người ngay cả khi họ là người phạm tội [Xem: 49, tr.46-52]. Dựa trên nguyên tắc nhân đạo của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, cũng như chính sách bảo vệ bà mẹ và trẻ em thì BLHS hiện hành đã quy định “Người phạm tội là phụ nữ có thai” là một trong những tình tiết để giảm nhẹ TNHS.

Bằng những nghiên cứu khoa học và qua thực tế có thể thấy người phụ nữ khi mang thai sẽ có những biểu hiện về tâm sinh lý khác thường. Họ thường hay lo sợ, cáu gắt hay khó kiểm soát được suy nghĩ và hành vi của mình. Vì vậy nó sẽ ảnh hưởng phần nào đến mức độ lỗi khi họ phạm tội so với những người bình thường. [Xem: 33, tr.200]

Việc xác định một người phạm tội là phụ nữ có thai để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này phụ thuộc vào thời điểm mang thai của họ. Chỉ những người đang mang thai lúc họ thực hiện hành vi phạm tội thì mới được giảm nhẹ TNHS. Không thể áp dụng tình tiết này nếu tại thời điểm họ thực hiện hành vi phạm tội không có thai, nhưng sau khi khởi tố, truy cứu TNHS hay khi ra tòa họ mới có thai để tránh sự lợi dụng việc mang thai để giảm nhẹ TNHS mà họ phải chịu. Việc người phụ nữ có thai sau thời điểm gây án chỉ được coi là cơ sở để hoãn chấp hành hình phạt hay không bị áp dụng hình phạt tử hình. Phải là phụ nữ đang có thai khi thực hiện tội phạm. Nếu khi phạm tội người phụ nữ không có thai, mà khi bị xét xử bị cáo có thai thì không áp dụng tình tiết này, mà tùy từng trường hợp cụ thể chỉ có thể áp dụng quy định tại Điều 35 BLHS đối với phụ nữ có thai khi xét xử. Trong trường hợp đặc biệt cũng có thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với phụ nữ có thai khi

xét xử, nhưng phải ghi rõ trong bản án và áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS. Người phụ nữ phải chứng minh là mình có thai khi phạm tội. Trong trường hợp chưa có đủ căn cứ để kết luận người phụ nữ có thai khi phạm tội thì phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

Về mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào thời kỳ thai nghén của người phạm tội cũng như mức độ ảnh hưởng của việc có thai đối với nhận thức, thái độ và sự kiểm soát hành vi của họ.

2.1.1.4. Người phạm tội là người già (Điểm m Khoản 1 Điều 46 BLHS)

Tương tự như tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai” thì tình tiết “Người phạm tội là người già” cũng dựa trên tinh thần nhân đạo của pháp luật hình sự và căn cứ vào các cơ sở khoa học để quy định đây là một tình tiết giảm nhẹ TNHS. Người già là những người có thể chất và tinh thần yếu kém hơn so với những người trẻ tuổi. Ở tuổi già thì con người sẽ suy nghĩ thiếu minh mẫn và hành vi cũng không còn chuẩn xác như trước. Hơn nữa, xét về mặt nhân đạo thì việc để người già chịu các hình phạt nghiêm khắc là không phù hợp và không cần thiết.

Hiện nay pháp luật hình sự không quy định khái niệm “Người phạm tội là người già”. Tuy nhiên tại Khoản 2.4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 12/05/2006 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về tình tiết “phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già” (điểm h khoản 1 Điều 48) của BLHS thì “*Người già được xác định là người từ 70 tuổi trở lên*”. Ngoài ra, BLHS còn quy định “người đã quá già yếu” có thể được tòa án xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt (Điều 58). Tuy nhiên, như thế nào là “người quá già yếu” thì BLHS lại không giải thích mà chỉ quy định ở Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình

phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt ngày 02/10/2007, theo đó “*người quá già yếu*” là “*người từ 70 tuổi trở lên hoặc là người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên đau ốm*”. Có ý kiến cho rằng “*Người già là người từ đủ 60 tuổi trở lên*” bởi họ đã bước vào thời kỳ cuối của cuộc đời, hoạt động trí năng bị giảm sút, cơ thể suy yếu nên việc giảm nhẹ TNHS cho họ là thể hiện tinh thần nhân đạo. Việc thiếu hướng dẫn thống nhất, cụ thể như vậy dẫn đến việc áp dụng không thống nhất quy định của BLHS trong thực tiễn. Và có một số quan điểm đề xuất nên quy định người già ở đây là từ 70 tuổi trở lên [Xem: 30, tr. 35-41].

Trong thực tiễn xét xử, đa phần các Tòa án thường coi 70 tuổi trở lên là mốc tuổi để xác định một người phạm tội là người già. Nhưng cũng có những quan điểm cho rằng nên lấy mốc là 60 tuổi trở lên (tuổi mất sức lao động). Quan điểm này dựa trên cơ sở thực tế về tình trạng giảm sút tinh thần và thể lực của người phạm tội cũng như đề cao tinh thần nhân đạo.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này đó là tuổi già cụ thể của từng trường hợp phạm tội và mối liên hệ nhân quả của tuổi già với hành vi phạm tội. Những người có tuổi càng cao và tình trạng sức khỏe càng yếu thì mức độ giảm nhẹ TNHS càng nhiều.

2.1.1.5. Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (Điểm n Khoản 1 Điều 46 BLHS)

Theo định nghĩa tại Từ điển pháp luật hình sự thì “*Tình trạng năng lực TNHS hạn chế là tình trạng của người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm hạn chế khả năng nhận thức ý nghĩa xã hội của hành vi hoặc khả năng điều khiển hành vi theo các đòi hỏi của xã hội*” [19, tr.246-tr.247]. Đây là tình tiết được áp dụng để giảm nhẹ TNHS khi người phạm tội bị mắc bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình. Cụ thể:

- *Người mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức*: là người mắc bệnh khiến họ không nhận thức đầy đủ được tính chất nguy hiểm về hành vi của mình và hậu quả của hành vi do mình gây ra.
- *Người mắc bệnh bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi*: là trường hợp họ vẫn nhận thức được hành vi của họ là nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó, nhưng họ bị hạn chế trong việc điều khiển hành vi theo ý muốn (hạn chế về hoạt động cơ học của cơ thể).

Tuy nhiên, cần lưu ý nguyên nhân dẫn đến căn bệnh khiến họ hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi phải là do bẩm sinh hoặc do khách quan. Trường hợp do họ cố tình gây ra thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này. Bên cạnh đó, cũng chỉ được áp dụng tình tiết này nếu khi thực hiện hành vi phạm tội họ đang có bệnh làm ảnh hưởng đến khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Trường hợp vào thời điểm họ thực hiện hành vi phạm tội không hề mắc bệnh, nhưng trước và sau đó họ mới có bệnh thì không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

Nếu tình trạng bệnh tật của một người đã làm mất hoàn toàn khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì họ có thể được loại trừ TNHS theo chế định loại trừ TNHS. Một số trường hợp một người có thể mắc bệnh tâm thần nhưng họ chưa mất hoàn toàn khả năng nhận thức hay khả năng điều khiển hành vi để được loại trừ TNHS thì họ vẫn phải chịu TNHS, nhưng sẽ được áp dụng tình tiết này để giảm nhẹ TNHS. Việc xác định tình trạng của một người còn hay mất hoàn toàn hay chỉ bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển thuộc trách nhiệm của cơ quan pháp y thông qua kết luận của Hội đồng y khoa. Ở giai đoạn tố tụng nào phát hiện được hoặc do người phạm tội yêu cầu thì cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu giám định tình trạng bệnh tật của người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ bệnh tật của người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội, mức độ hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội. Trên thực tế việc xác định mức độ cũng không phải chuyện dễ dàng bởi Hội đồng giám định pháp y chỉ ra kết luận có bệnh và bệnh đó có ảnh hưởng hay không chứ không đưa ra một mức cụ thể. Như vậy khi áp dụng cần phải có sự cân nhắc mối quan hệ giữa bệnh lý và khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của người phạm tội.

2.1.1.6. Người phạm tội tự thú (Điểm o Khoản 1 Điều 46 BLHS)

Tự thú là một trong những căn cứ để người phạm tội được giảm nhẹ TNHS. Điều này đã được hướng dẫn đặc biệt trong Thông tư liên tịch số 05-BNV-TANDTC-VKSNDTC-BTP/TTLT ngày 02 tháng 06 năm 1990 hướng dẫn thi hành chính sách đối với người phạm tội ra tự thú: *“Người đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa bị phát giác, không kể phạm tội gì, thuộc trường hợp nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng mà ra tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả tội phạm thì có thể được miễn TNHS theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 điều 48 BLHS (nay là Khoản 2 Điều 25 BLHS) hoặc được giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điều 38 BLHS (nay là Điều 46 BLHS); nếu cùng với việc tự thú mà còn lập công lớn, vận động được nhiều người khác đã phạm tội ra tự thú thì có thể được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.”*

Người phạm tội tự thú có nhiều mức độ khác nhau, nếu hiểu theo nghĩa rộng thì tự thú bao hàm cả khái niệm, đầu thú, thành khẩn khai báo. Tuy nhiên, về pháp lý, chỉ coi tự thú khi tội phạm họ thực hiện chưa bị phát hiện nhưng tự đến cơ quan có thẩm quyền (công an, viện kiểm sát, thanh tra...) khai báo hành vi phạm tội của mình và đồng phạm (nếu có).

Theo định nghĩa của từ điển pháp luật thì “Tự thú” là “*Tự nguyện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền khai báo về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện hoặc tham gia thực hiện trước khi bị phát giác*” [19 ,tr.289]. Như vậy có thể hiểu tự thú là tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình, trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội. Người nào bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện, thì cũng được coi là tự thú đối với việc tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội của mình mà chưa bị phát hiện.

BLHS 1999 đã được sửa đổi bổ sung 2009 tại Khoản 2 Điều 25 đã quy định người phạm tội có thể được miễn TNHS “Trong trường hợp trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, thì cũng có thể được miễn TNHS”.

Nếu người phạm tội tự thú nhưng chưa đến mức được miễn TNHS theo khoản 2 Điều 25 BLHS thì được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS cần chú ý:

- Trường hợp bị cáo phạm nhiều tội, thì tự thú tội nào được coi là tình tiết giảm nhẹ đối với tội đó.

- Trường hợp bị cáo thực hiện nhiều hành vi phạm cùng một tội, thì tự thú hành vi phạm tội nào (nếu không được miễn TNHS về hành vi đó) thì cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ đối với tội phạm mà bị cáo thực hiện nhưng mức độ giảm nhẹ ít hơn trường hợp tự thú tất cả hành vi phạm tội.

- Cần phân biệt người phạm tội tự thú với “người phạm tội thành khẩn khai báo”. Người phạm tội thành khẩn khai báo là trường hợp chỉ thực hiện một hoặc một số hành vi mà tất cả các hành vi đó chỉ cấu thành một tội. Sau khi bị phát hiện, người phạm tội đã khai báo đầy đủ, trung thực tất cả các tình

tiết của vụ án, giúp cơ quan tiến hành tố tụng xử lý nhanh chóng và đúng pháp luật. Nếu người phạm tội sau khi tự thú mà không khai báo thành khẩn thì vẫn có thể được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng mức độ giảm nhẹ ít hơn trường hợp sau khi tự thú người phạm tội khai báo thành khẩn, mà không được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo”, vì người phạm tội thành khẩn khai báo sau khi tự thú là một trong những điều kiện để xem xét có thể miễn TNHS cho họ.

- Cần phân biệt “tự thú” với “đầu thú”. “Đầu thú” là có người đã biết hành vi phạm tội của người phạm tội, nhưng biết không thể trốn tránh được nên người phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền trình diện. Nếu là “đầu thú” thì chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS để xem xét giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội.

Như vậy, tự thú là tự khai ra hành vi phạm tội của mình với các nhà chức trách. Việc người phạm tội tự khai ra hành vi phạm tội của mình với nhà chức trách là biểu hiện của sự ăn năn hối cải về việc làm sai trái của mình nên đáng được khoan hồng, nhưng mức độ khoan hồng tới đâu thì lại phải căn cứ vào chính sách hình sự của Nhà nước; căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả đã xảy ra; thái độ khai báo; sự góp phần vào việc phát hiện và điều tra tội phạm của người tự thú.

2.1.1.7. Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS).

a, Người phạm tội thành khẩn khai báo:

Thành khẩn khai báo là trường hợp người phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai đầy đủ và đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng kết thúc vụ án. [Xem: 33, tr.211]

Thành khẩn khai báo khác với tự thú ở chỗ thành khẩn khai báo là ở thời điểm thừa nhận và khai báo rõ ràng hành vi phạm tội. Nếu tự thú là việc thừa

nhận trước khi hành vi phạm tội bị phát hiện thì thành khẩn khai báo là việc thừa nhận hành vi phạm tội sau khi đã bị phát hiện. Thành khẩn khai báo không phải nghĩa vụ bắt buộc của người phạm tội, pháp luật không quy định việc khai báo không đúng hoặc không hết thì sẽ bị coi là tình tiết tăng nặng TNHS, nhưng pháp luật khuyến khích việc thành khẩn khai báo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này để giảm bớt TNHS. Để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này thì người phạm tội phải khai báo một cách trung thực, đầy đủ, không gian dối. Trường hợp người phạm tội sau khi bị phát hiện mà không khai báo, oanh tạc tranh, khai thác khiến không thể chối cãi mới khai báo thì không thể áp dụng tình tiết này để giảm nhẹ TNHS.

Đây là một trong những chính sách quan trọng của Nhà nước để nhanh chóng điều tra được sự thật, phát hiện và ngăn chặn các hành vi và đối tượng nguy hiểm cho xã hội khác.

Mức độ giảm nhẹ của việc thành khẩn khai báo phụ thuộc vào sự thành khẩn được thực hiện ở giai đoạn tố tụng nào và ý nghĩa thiết thực của sự thành khẩn trong việc giải quyết vụ án.

b, Ăn năn hối cải

Ăn năn hối cải là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội thể hiện sự cắn rứt, dằn vò lương tâm về tội lỗi của mình không chỉ bằng lời nói mà còn phải bằng những hành động, việc làm cụ thể để chứng minh cho việc mình muốn sửa chữa, cải tạo thành người tốt; bù đắp những tổn thất, thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Việc xác định thái độ và hành động ăn năn hối cải của người phạm tội rất quan trọng. Bởi trong một số trường hợp người phạm tội chỉ giả vờ tỏ ra ăn năn hối cải để được giảm nhẹ TNHS rồi tìm cách tiếp tục phạm tội. Để có thể xác nhận họ có thực sự ăn năn hối cải hay không thì Tòa án phải phối hợp với các tổ chức và cá nhân có liên quan chặt chẽ với người phạm tội để kiểm tra thái độ của họ sau khi phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ của sự ăn năn hối cải phụ thuộc vào mức độ ăn năn hối cải của người phạm tội, những hành động, việc làm cụ thể chứng minh cho sự ăn năn hối cải đó.

Tóm lại, “thành khẩn khai báo” và “ăn năn hối cải” cùng được quy định trong một tình tiết giảm nhẹ TNHS và cơ sở để giảm nhẹ TNHS nói chung của tình tiết giảm nhẹ TNHS này là thái độ tự nguyện nhìn nhận tội lỗi của mình, chịu sự trừng phạt của pháp luật và mong muốn giúp đỡ các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Qua đó có thể thấy khả năng cải tạo của họ hơn những người không có tình tiết giảm nhẹ này. Do vậy họ xứng đáng được khoan hồng. Mức độ giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào mức độ thành khẩn khai báo và mức độ ăn năn hối cải của người phạm tội.

2.1.1.8. Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm (điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS).

Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm là có thái độ chủ động, giúp đỡ nhằm tạo ra những sự biến đổi, thay đổi nhanh hơn trong việc phát hiện và điều tra tội phạm. Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm thường được thể hiện bằng việc cung cấp những thông tin, tài liệu, bằng chứng có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện và điều tra tội phạm; chỉ nơi cất giấu tang vật, nơi người phạm tội khác đang trốn tránh; cung cấp thông tin về tội phạm khác, người phạm tội khác không liên quan đến mình...

Tình tiết giảm nhẹ này thực chất là một điều kiện của tự thú [Xem: 33 , tr.218], có thể sau khi vụ án bị phát hiện họ đã giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm. Còn sau khi tự thú, người phạm tội giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm thì có thể được miễn TNHS. Là một điều kiện của tự thú nhưng lại là tình tiết giảm nhẹ độc lập, nếu chỉ có tình tiết này thì không thể gọi là người phạm tội tự thú được.

Còn nếu đã xác định là người phạm tội tự thú thì không áp dụng tình tiết này là một tình tiết giảm nhẹ độc lập nữa.

Trong trường hợp người phạm tội khai báo với các cơ quan điều tra về một tội phạm khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến mình, thì họ vẫn được giảm nhẹ trách nhiệm theo tình tiết này.

Thái độ tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng để giải quyết vụ án thể hiện sự nhận thức tích cực của người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Chính bởi sự hợp tác đó giúp các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng tìm ra sự thật và cách giải quyết vụ án. Như vậy, những người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm xứng đáng được giảm nhẹ TNHS.

Mức độ giảm nhẹ phụ thuộc vào tính chủ động, mức độ tích cực giúp đỡ; giá trị của những thông tin, tài liệu, bằng chứng mà người phạm tội đã cung cấp; hiệu quả của những hành vi giúp đỡ của người phạm tội, giá trị của những tin tức mà người phạm tội đã cung cấp, hiệu quả của những tin tức và hành vi mà họ đã giúp đỡ.

2.1.1.9. Người phạm tội đã lập công chuộc tội (điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS).

Tình tiết này đã được hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP: “Đã lập công chuộc tội” là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm cho đến khi bị xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm), người phạm tội không những ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm do họ thực hiện, mà họ còn có những hành động giúp đỡ các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn các tội phạm khác, tham gia phát hiện tội phạm, bắt kẻ phạm tội, có hành động thể hiện sự quên mình vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích chính đáng của người khác... được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận.”

Cơ sở để giảm nhẹ TNHS của tình tiết này ở chỗ người phạm tội sau khi bị phát hiện không chỉ dừng ở việc thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hay tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện và điều tra tội phạm mà còn tự biến sự hối lỗi đó thành các thành quả nhất định được ghi nhận [Xem 70, tr.133]. Việc lập công chuộc tội là một tình tiết hết sức quan trọng, một mặt nó thể hiện sự chuyển biến sâu sắc về suy nghĩ của người phạm tội, mặt khác nó liên quan trực tiếp và đem lại hiệu quả cao trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

BLHS năm 1985 chưa quy định tình tiết này là một tình tiết giảm nhẹ TNHS, nếu có thì các Tòa án thường coi là tình tiết “ăn năn hối cải”. Giữa “ăn năn hối cải” với “lập công chuộc tội” là hai khái niệm khác nhau, nhưng lại liên quan chặt chẽ với nhau, thường thì thái độ ăn năn hối cải bao giờ cũng đi liền với hành vi lập công chuộc tội và ngược lại hành vi lập công chuộc tội lại chính là biểu hiện cụ thể của thái độ ăn năn hối cải. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp thái độ ăn năn hối cải với lập công chuộc tội không có liên quan gì với nhau, có ăn năn hối cải nhưng không có lập công chuộc tội. Do đó BLHS năm 1999 quy định riêng thành hai tình tiết có tính chất độc lập để áp dụng trong thực tiễn xét xử dễ dàng hơn.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào công trạng của người phạm tội lập công được sau khi phạm tội, công càng lớn mức giảm nhẹ càng nhiều, thậm chí có thể miễn hình phạt hoặc miễn TNHS nếu như có công mà tội phạm do họ gây ra chỉ là tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng do vô ý. Hành động lập công chuộc tội có thể có liên quan đến hành vi phạm tội của người phạm tội hoặc có thể không, nhưng nếu có liên quan thì giá trị giảm nhẹ sẽ cao hơn là không liên quan. Việc lập công chuộc tội này phải được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền thông qua Giấy khen, Bằng khen, Huân chương... hoặc có đề nghị và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

2.1.1.10. Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác (điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS).

Đối với tình tiết giảm nhẹ này, BLHS năm 1985 cũng chưa quy định, nhưng qua thực tiễn xét xử, các Tòa án đều coi người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tòa án nhân dân tối cao cũng đã hướng dẫn cho các Tòa án coi người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt nên BLHS năm 1999 ghi nhận chính thức trường hợp này là một tình tiết giảm nhẹ TNHS

Tình tiết này cũng được hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ- HĐTP “Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế, phát minh có giá trị hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua.”

Thành tích xuất sắc này người phạm tội phải có được trước khi phạm tội. Đây là tình tiết thể hiện cả một quá trình phấn đấu tích cực của người phạm tội cho đến thời điểm phạm tội, phản ánh bản thân họ có ích cho xã hội. Đây cũng là điểm khác biệt giữa tình tiết này và tình tiết “lập công chuộc tội” bởi thời gian xác nhận thành tích của “lập công chuộc tội” là sau khi thực hiện hành vi phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ phụ thuộc vào thành tích; hình thức khen thưởng; giá trị của sáng chế, phát minh; danh hiệu thi đua được công nhận ; số lần được khen thưởng...Hình thức khen thưởng càng cao thì mức độ giảm nhẹ càng nhiều, càng có nhiều lần được khen thưởng thì mức giảm nhẹ cũng tăng theo số lần khen thưởng đó. [Xem: 33, tr.226]

2.1.2 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội khác

2.1.2.1. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội thuộc Khoản 2 Điều 46

Bên cạnh các Tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại khoản 1 Điều 46, BLHS còn quy định Tình tiết giảm nhẹ thuộc

nhân thân người phạm tội tại khoản 2 Điều 46 với nội dung “Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”. Đây là một quy định mang tính chất “mở”, cho phép quyền tùy nghi rộng rãi của Tòa án trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng.

Quy định tại khoản 2 Điều 46 trước đây đã được quy định tại khoản 2 Điều 38 BLHS năm 1985. Trong đó, thay cụm từ “nhưng phải ghi trong bản án” thành “nhưng phải ghi rõ trong bản án”. Quy định này nhằm nhấn mạnh sự phân tích, dẫn giải của Tòa án khi muốn xem xét một tình tiết là Tình tiết giảm nhẹ TNHS, ngoài các tình tiết đã liệt kê tại khoản 1 Điều 46 BLHS phải có sự giải thích rõ trong bản án.

Để áp dụng thống nhất Tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS, tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/2000), Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn các tình tiết sau đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác:

“- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước:

- Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sỹ;

- Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên;

- Người bị hại cũng có lỗi;
- Thiệt hại do lỗi của người thứ ba;
- Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo;
- Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản;
- Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu.

Ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án.”

Từ hướng dẫn tại điểm c mục 5 Nghị quyết số 01/2000, chúng ta thấy rằng Tình tiết giảm nhẹ TNHS rất đa dạng, chúng ta không thể dự trù hết được nên việc quy định mở tại BLHS và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán là cần thiết. Đây là điểm tiến bộ trong việc quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Nghị quyết số 01/2000 so với Nghị quyết số 01-HĐTP/NQ ngày 19/4/1989 hướng dẫn về các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 38 BLHS năm 1985 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy có những cách hiểu và vận dụng khác nhau đối với quy định: *“Khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”*, cụ thể như sau:

- Quan điểm thứ nhất cho rằng, việc áp dụng tình tiết khác phải là những tình tiết mở rộng các tình tiết đã được liệt kê tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000, tức là phải kết hợp giữa tình tiết được liệt kê tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 với nội dung *“tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ*

thể của người phạm tội” để xác định một tiết có phải là Tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 hay không.

- Quan điểm thứ hai cho rằng, khi xét xử, Tòa án chỉ dựa vào “*tình trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội*” để xác định một tình tiết có phải là Tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS hay không mà không phụ thuộc tình tiết đó phải là tình tiết mở rộng của các Tình tiết giảm nhẹ được liệt kê tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000.

Thực tế, Tình tiết giảm nhẹ TNHS rất đa dạng nên các tình tiết được nêu tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 chưa bao hàm hết tất cả các Tình tiết giảm nhẹ. Mặt khác, quy định tại khoản 2 Điều 46 là quy định mở nên hướng dẫn tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000 hướng dẫn Điều luật nêu trên cũng phải là quy định mở. Do đó, chúng tôi thống nhất với quan điểm thứ hai.

2.1.2.2 Giảm nhẹ TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội

“Chưa thành niên” là một đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội. Đây cũng là một căn cứ quan trọng để thực hiện việc miễn giảm TNHS hoặc hình phạt đối với người phạm tội là người chưa thành niên. BLHS Việt Nam 1999 (Sửa đổi, bổ sung 2009) đã được các nhà lập pháp dành một chương riêng là Chương X để quy định về người chưa thành niên phạm tội.

Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý, mức độ nhận thức của người chưa thành niên còn có phần hạn chế về cách nghĩ, cách điều chỉnh hành vi xử sự trong cuộc sống cũng như chưa thật chín chắn về trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống còn hạn chế, thiếu những điều kiện và bản lĩnh tự lập, khả năng kiềm chế bản thân chưa cao. Vì vậy mà luật hình sự dựa trên tinh thần sự phát triển về tâm sinh lý người chưa thành niên để có những điều chỉnh phù hợp nhất [Xem: 48, tr. 57]

Một trong những nguyên tắc được quy định tại Điều 69 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) khi xử lý người chưa thành niên phạm tội đó là : “ *Việc truy*

cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm” và “Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Khi xử phạt tù có thời hạn, Toà án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng”. Qua đó có thể thấy TNHS và hình phạt đối với người chưa thành niên được giảm hơn so với người đã thành niên phạm tội. Điều đó được thể hiện ở việc ưu tiên áp dụng các biện pháp xử lý phi hình sự, biện pháp xử lý hình sự mang tính chất giáo dục (Biện pháp tư pháp); không áp dụng các hình phạt nghiêm khắc nhất (Tù chung thân và tử hình) và hình phạt bổ sung; hạn chế áp dụng hình phạt tù và hình phạt tiền, hạn chế hậu quả mang án tích do bị kết án đối với người chưa thành niên phạm tội mà chỉ nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh [Xem: 39, tr.55].

2.2 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới

Pháp luật hình sự một số nước trên thế giới cũng có những quy định về các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội. Mỗi quốc gia lại có một chính sách pháp luật khác nhau, nhưng nhìn chung bất kỳ quốc gia nào cũng chính sách nhân đạo, đó là cơ sở cho việc quy định các tình tiết giảm nhẹ này.

2.2.1 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Liên bang Nga

Pháp luật hình sự của Liên bang Nga có nhiều nét tương đồng với pháp luật hình sự của Việt Nam. Trong BLHS Liên bang Nga cũng quy định rất rõ ràng về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội. Tại

Khoản 3 Điều 60 Chương 10 về Áp dụng hình phạt có quy định “*Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội, trong đó bao gồm những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cũng như tác động của hình phạt đã tuyên đối với việc cải tạo người phạm tội và đối với điều kiện sống của gia đình người phạm tội sẽ được tính đến khi ra quyết định hình phạt*”. Điều này chứng tỏ các tình tiết giảm nhẹ nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng có vai trò rất quan trọng trong việc quyết định hình phạt của Liên bang Nga.

BLHS Liên bang Nga cũng liệt kê các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội tại Điều 61 như sau:

- 1) Lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do tình huống bất ngờ
- 2) Người phạm tội là người chưa thành niên
- 3) Người phạm tội là phụ nữ có thai
- 4) Người phạm tội có con nhỏ
- 5) Phạm tội do điều kiện sống quá khó khăn hoặc lý do khác
- 6) Tự thú; tích cực giúp đỡ việc khám phá, điều tra tội phạm, vạch trần và truy tố đồng phạm, truy tìm tài sản do phạm tội mà có (sửa đổi theo Luật Liên bang, 2009, N 26, trang 3139)
- 7) Cấp cứu và giúp đỡ người bị hại ngay sau khi tội phạm thực hiện, tự nguyện bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần do tội phạm gây ra, các hành động khác nhằm giảm thiểu thiệt hại cho người bị hại

So với các tình tiết được liệt kê trong BLHS Việt Nam thì số lượng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội của Liên bang Nga ít hơn và có một số tình tiết khác với BLHS Việt Nam.

BLHS Liên bang Nga cũng quy định về các tình tiết giảm nhẹ khác tại Khoản 2 Điều 61 “*Khi áp dụng hình phạt có thể cân nhắc các tình tiết khác không được quy định tại khoản 1 Điều này là các tình tiết giảm nhẹ hình*

phạt”. Đây là điều khoản có nội dung tương ứng như nội dung của Khoản 2 Điều 46 BLHS Việt Nam. Bên cạnh đó, tại Khoản 3 Điều 61 BLHS Liên bang Nga quy định về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ là yếu tố định tội thì không còn giá trị giảm nhẹ nữa *“Nếu một tình tiết giảm nhẹ được điều luật tương ứng ở Phần riêng Bộ luật này quy định là dấu hiệu của tội phạm thì tình tiết này không được cân nhắc một lần nữa khi áp dụng hình phạt”*.

Nếu BLHS Việt Nam có Điều 47 quy định về việc Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật thì BLHS Liên bang Nga có quy định tương tự tại Điều 62 về Áp dụng hình phạt khi có các tình tiết giảm nhẹ. Điều luật này quy định khi có các tình tiết giảm nhẹ *“Tự thú; tích cực giúp đỡ việc khám phá, điều tra tội phạm, vạch trần và truy tố đồng phạm, truy tìm tài sản do phạm tội mà có”* và/hoặc *“Cấp cứu và giúp đỡ người bị hại ngay sau khi tội phạm thực hiện, tự nguyện bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần do tội phạm gây ra, các hành động khác nhằm giảm thiểu thiệt hại cho người bị hại”* và không có các tình tiết tăng nặng thì thời gian hoặc mức độ của hình phạt không thể vượt quá hai phần ba thời hạn hoặc khung tối đa của hình phạt nghiêm khắc nhất được quy định tại điều luật tương ứng ở phần riêng BLHS Liên bang Nga. Tuy nhiên, quy định này lại không được áp dụng nếu điều luật tương ứng ở Phần riêng của Bộ luật đã quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình. Trong trường hợp này hình phạt được áp dụng trong phạm vi chế tài của điều luật tương ứng ở phần riêng.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội cũng được xem xét trong chế tài về Đồng phạm. Tại Khoản 2 Điều 67 Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đã quy định *“Các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình phạt liên quan đến nhân thân một ai đó trong số các đồng phạm sẽ được xem xét khi quyết định hình phạt chỉ đối với người này”*.

Qua những phân tích ở trên, có thể rút ra một số điểm giống và khác nhau giữa BLHS Liên bang Nga và BLHS Việt Nam khi quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội như sau:

+ Giống nhau:

Thứ nhất: Điều quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là một trong những cơ sở để quyết định hình phạt

Thứ hai: Điều quy định dưới dạng liệt kê các tình tiết cụ thể

Thứ ba: Có tình tiết giống nhau hoàn toàn như “Người phạm tội là phụ nữ có thai”, “người phạm tội tự thú; tích cực giúp đỡ khám phá, điều tra tội phạm”, “bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần”, có tình tiết có một phần giống nhau như “Phạm tội lần đầu”

Thứ tư: Cho phép áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác không được liệt kê trong BLHS

Thứ năm: Quy định về tình tiết giảm nhẹ đã được định tội thì không được làm tình tiết giảm nhẹ nữa

Thứ sáu: Giảm hình phạt khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ

+ Khác nhau:

Thứ nhất: BLHS Có tình tiết “Phạm tội lần đầu” nhưng lại phải đi kèm với yếu tố “do tình huống bất ngờ”

Thứ hai: Quy định “Người phạm tội là người chưa thành niên” là một tình tiết giảm nhẹ cụ thể

Thứ ba: Có tình tiết khác là “Người phạm tội có con nhỏ”

Thứ tư: Việc giới hạn khung hình phạt khi có các tình tiết giảm nhẹ, khác với việc chuyển khung hình phạt khi có hai tình tiết giảm nhẹ trở lên của Việt Nam

Như vậy, có thể thấy quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Liên bang Nga và trong BLHS Việt Nam có rất nhiều nét tương đồng. Tuy nhiên cũng có nhiều điểm khác biệt mà

các nhà làm luật Việt Nam nên cân nhắc để tiếp thu và hoàn thiện các quy định này trong BLHS Việt Nam [Xem: 58, tr.56-tr.105].

2.2.2 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Khác với BLHS Việt Nam hay BLHS Liên bang Nga, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không có một điều luật cụ thể về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, việc xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội để làm cơ sở quyết định hình phạt cũng được quy định trong một số điều khoản riêng biệt trong Mục 1 Chương 2 BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về Tội phạm và trách nhiệm hình sự . Cụ thể:

1) Về người phạm tội là người chưa thành niên, đây được coi là một tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại Điều 17 *“Người đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi được hưởng hình phạt giảm nhẹ hoặc giảm khung hình phạt”*

2) Người phạm tội bị hạn chế về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, tại Điều 18 có quy định *“Người mắc bệnh tâm thần phạm tội vào thời điểm chưa hoàn toàn mất hết khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng có thể được giảm nhẹ hình phạt”*.

3) Người tàn tật trong pháp luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cũng là đối tượng được giảm nhẹ TNHS theo Điều 19 *“Người câm điếc hoặc người mù phạm tội, thì có thể được giảm nhẹ, áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn hoặc được miễn hình phạt”*.

4) Người tòng phạm trong đồng phạm cũng được xem xét để giảm TNHS. Tại Điều 27 có quy định *“Tòng phạm chịu hình phạt nhẹ hơn so với thủ phạm chính, được giảm nhẹ khung hình phạt hoặc miễn hình phạt”*.

Có thể thấy, so với BLHS Việt Nam thì BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa khác biệt chủ yếu về cách thức quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS

thuộc về nhân thân người phạm tội. BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không có điều khoản riêng biệt quy định về các tình tiết nhưng lại được rút ra từ những quy định trong các chế tài khác nhau. Một tình tiết đáng lưu ý và chưa được BLHS Việt Nam quy định là tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 1 Điều 46 đó là về “người phạm tội là người tàn tật”. BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã quy định đây là một trong những tình tiết có giá trị giảm nhẹ, theo quan điểm của tôi thì việc quy định như vậy là hợp tình hợp lý, phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự [Xem: 17, tr.40-tr.77].

2.2.3 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức

Tương tự như BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, BLHS Cộng hòa liên bang Đức cũng không liệt kê các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội mà nằm rải rác ở các điều khoản khác nhau. Cụ thể:

1) Khả năng nhận thức bị hạn chế: Tại Điều 21 quy định nếu khả năng nhận thức sự không hợp pháp của hành vi hoặc khả năng thực hiện hành vi theo nhận thức này của người thực hiện tội phạm bị giảm một cách đáng kể vì một trong những lý do như do rối loạn tâm thần bệnh lý, rối loạn ý thức nặng do thiếu năng hoặc do các bất bình thường nặng khác về tâm thần thì hình phạt có thể được giảm nhẹ.

2) Dấu hiệu nhân thân đặc biệt: Khoản 1 Điều 28 quy định nếu thiếu ở người tòng phạm các dấu hiệu nhân thân đặc biệt, mà những dấu hiệu này xác lập sự xử phạt đối với người thực hiện tội phạm thì hình phạt của họ được giảm nhẹ.

Về cơ sở của việc quyết định hình phạt, trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức cũng có một mục riêng về Lượng hình. Theo đó, các nguyên tắc khi lượng hình được quy định tại Điều 46 có quy định về việc xem xét đến “*cuộc sống trước đó của người thực hiện tội phạm, hoàn cảnh cá nhân và kinh tế cũng như*

xử sự của người đó sau khi thực hiện hành vi, đặc biệt là sự cố gắng bồi thường thiệt hại của họ cũng như cố gắng của họ để đạt được việc hòa giải với người bị xâm hại”. BLHS Cộng hòa liên bang Đức cũng nêu rõ về các căn cứ giảm nhẹ luật định đặc biệt tại Điều 49 “1. Nếu có sự giảm nhẹ được quy định hoặc cho phép theo quy định này thì việc giảm nhẹ được thực hiện như sau:

1.1, Thay cho hình phạt tự do suốt đời là hình phạt tự do không dưới ba năm

1.2, Đối với hình phạt tự do có thời hạn thì mức cao nhất được quyết định chỉ có thể bằng ba phần tư của mức hình phạt cao nhất được quy định. Đối với hình phạt tiền thì mức cao nhất của đơn vị ngày thu nhập cũng như vậy

1.3, Mức thấp nhất gia tăng của hình phạt tự do được giảm còn hai năm trong trường hợp mức thấp nhất là mười hoặc năm năm còn ba tháng trong trường hợp mức thấp nhất là một năm bằng mức thấp nhất mà Luật quy định trong các trường hợp còn lại

1. Nếu tòa án được phép giảm hình phạt theo đánh giá của mình trên cơ sở của một Luật khác được chỉ dẫn đến quy định này thì có thể giảm đến mức thấp nhất của loại hình phạt mà Luật quy định hoặc có thể thay thế hình phạt tự do bằng hình phạt tiền”

Các tình tiết giảm nhẹ chỉ được phép xem xét một lần nếu một tình tiết độc lập hoặc cùng với các tình tiết khác đã xác lập sự chấp nhận là một trường hợp ít nghiêm trọng và đồng thời cũng là căn cứ giảm nhẹ luật định đặc biệt theo quy định về Sự trùng nhau của các căn cứ giảm nhẹ quy định tại Điều 50.

Như vậy, mặc dù không theo hình thức liệt kê các tình tiết cụ thể về nhân thân để làm căn cứ giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội như BLHS Việt Nam, BLHS Cộng hòa liên bang Đức vẫn có những quy định riêng để giảm nhẹ TNHS đối với những trường hợp có các đặc điểm nhân thân đặc biệt mà xét về bản chất khá tương đồng với pháp luật hình sự Việt Nam [Xem: 57, tr.22-tr.59].

2.2.4 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Vương quốc Thụy Điển

BLHS Vương quốc Thụy Điển có một chương riêng số 29 quy định về Quyết định hình phạt và miễn chế tài. Tại Điều 3 của Chương này có quy định về việc khi xác định tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, ngoài các quy định về các tình tiết giảm nhẹ đối với từng loại tội danh cụ thể, cần cân nhắc đến một số tình tiết giảm nhẹ khác nhau, trong đó có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội như sau:

- 1) Bị cáo là người không bình thường hoặc có rối loạn về tinh thần, hoặc vì nguyên nhân khác mà bị giảm đáng kể khả năng điều khiển hành vi của mình.
- 2) Hành vi của bị cáo là do sự chậm phát triển một cách rõ ràng hoặc do thiếu kinh nghiệm hoặc khả năng suy xét
- 3) Hành vi phạm tội xảy ra do lòng thương người

Ngoài ra, Điều 4 còn quy định về việc Tòa án phải cân nhắc liệu trước đây người phạm tội đã phạm một hoặc nhiều tội hay chưa, tính chất, mức độ của các tội đó ra sao, khoảng thời gian giữa các tội phạm, sự giống nhau về bản chất giữa tội cũ và tội hiện tại...

Điều 5 của Bộ luật cũng quy định thêm về một số tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội cần được cân nhắc đến ngoài những tình tiết đã nói ở trên như sau:

- 1) Bị cáo có đầu thú/tự thú không
- 2) Do tuổi tác và bệnh tật, bị cáo không còn khả năng chịu được hình phạt áp dụng căn cứ vào tính chất, mức độ của tội đó

BLHS Vương quốc Thụy Điển cũng quy định rằng nếu người phạm tội có một hay nhiều tình tiết đã nêu ở trên thì Tòa án có thể quyết định hình phạt nhẹ hơn so với hình phạt áp dụng đối với tội đó trong những trường hợp tương tự.

Điểm giống nhau giữa các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Thụy Điển và BLHS Việt Nam đó là đều xem xét giảm nhẹ TNHS đối với những trường hợp người phạm tội bị mắc các bệnh hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, có tiền án tiền sự hay chưa, có tự thú hay không?...Điểm khác nhau là về hình thức của các quy định đó, và BLHS Thụy Điển có ít tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội để làm căn cứ giảm nhẹ hơn là BLHS Việt Nam [Xem: 56, tr.24-tr.29;tr.276-tr.353].

2.2.5 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Nhật Bản

Tương tự như BLHS của các nước khác, BLHS Nhật Bản cũng quy định một số trường hợp được sử dụng làm căn cứ giảm TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội tại các điều khoản khác nhau như:

1) Giảm năng lực nhận thức: Khoản 2 Điều 39 quy định “*giảm nhẹ hình phạt đối với hành vi của người giảm năng lực nhận thức*”

2) Đầu thú: Điều 42 quy định:

“1. Khi người phạm tội đã ra đầu thú trước khi bị cơ quan điều tra phát hiện, thì có thể được giảm hình phạt đó

2. Về những tội mà không thể truy tố được do chưa có tố cáo, mà tự mình nói cho người có thể tố cáo đó biết về sự việc phạm tội của mình, thì người có thái độ xử sự như vậy cũng được xét giảm theo như khoản trên”.

BLHS Nhật Bản cũng đưa ra cơ sở để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại một Chương riêng số 12 về Cân nhắc giảm nhẹ hình phạt. Theo đó quy định rằng “*Nếu có hoàn cảnh được cân nhắc giảm nhẹ trong việc phạm tội, thì có thể giảm nhẹ được hình phạt ấy*” – Điều 66 Cân nhắc giảm nhẹ hình phạt và “*Tuy trong luật thì có tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình phạt,*

nhưng vẫn có thể cân nhắc để giảm nhẹ hình phạt được” – Điều 67 Tăng giảm và cân nhắc hình giảm nhẹ hình phạt theo luật.

Điều 68 có quy định cụ thể về phương pháp giảm nhẹ hình phạt theo luật. Khi có từ 1 hoặc 2 lý do trở lên, phải được giảm nhẹ mức hình phạt theo luật định:

- 1) Giảm nhẹ hình phạt tử hình xuống chung thân, hoặc tù trên 10 năm hoặc cấm cố
- 2) Giảm nhẹ tù chung thân hoặc cấm cố xuống còn trên 7 năm hoặc cấm cố
- 3) Giảm nhẹ tù có thời hạn hoặc giảm nhẹ cấm cố thì giảm xuống một phần hai của kỳ dài và kỳ ngắn
- 4) Giảm nhẹ hình phạt tiền xuống còn một phần hai mức tiền nhiều và tiền ít
- 5) Giảm nhẹ hình phạt giam giữ xuống còn một phần hai mức kỳ dài
- 6) Giảm phạt tiền mức nhẹ, xuống còn một phần hai của mức tiền phạt ấy

Bên cạnh đó, BLHS Nhật Bản còn quy định về việc áp dụng các tình tiết đó khi có hai loại hình phạt trở lên thì quy định điều khoản áp dụng hình phạt đó trước rồi mới giảm nhẹ hình phạt ấy. Về thứ tự tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cũng được quy định trong BLHS này. Tại Điều 72 quy định nếu cùng một lúc phải tăng nặng và giảm nhẹ hình phạt thì áp dụng theo thứ tự sau:

- 1) Tăng nặng hình phạt khi tái phạm
- 2) Giảm nhẹ hình phạt theo quy định của luật
- 3) Tăng nặng hình phạt khi tổng hợp hình phạt đối với người phạm nhiều tội
- 4) Cân nhắc để giảm nhẹ hình phạt

Qua đó có thể thấy bên cạnh một số tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội giống nhau như “người phạm tội hạn chế khả năng nhận thức” hay “Đầu thú” thì BLHS Nhật Bản có khá nhiều điểm khác biệt so với BLHS Việt Nam. Thứ nhất là vấn đề bố cục, khá giống với BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa hay Cộng hòa Liên bang Đức, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội không được liệt kê một

cách cụ thể mà rải rác ở những Điều khoản khác nhau. Thứ hai, BLHS Nhật Bản lại quy định khá chi tiết về việc áp dụng cá tình tiết này và mức độ giảm nhẹ. Thứ ba, việc quy định về thứ tự áp dụng khi có các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của BLHS Nhật Bản là khá khoa học. Đó là những điểm cốt yếu khi so sánh BLHS Việt Nam và BLHS Nhật Bản [Xem: 18, tr.44-tr.83].

2.2.6 Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS Canada

Khi đi nghiên cứu các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS của một số nước trên thế giới, nếu đa phần các nước nói trên đều có những quy định tại phần chung về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thì BLHS Canada lại chỉ quy định ở trong quyết định hình phạt tại các tội danh cụ thể. Theo đó, mỗi tội danh sẽ có hình phạt riêng và những ngoại lệ kèm theo.

Có thể lấy ví dụ tại Điều 92 về tội Chiếm hữu súng mà biết việc chiếm hữu này là không được phép có các mức hình phạt như sau:

- 1) Trong trường hợp phạm tội lần đầu – tù có thời hạn không quá 10 năm
- 2) Trong trường hợp phạm tội lần 2 – tù có thời hạn không quá 10 năm và thời hạn tù tối thiểu là 1 năm
- 3) Trong trường hợp phạm tội lần 3 hoặc lần tiếp theo – tù có thời hạn không quá 10 năm và thời hạn tù tối thiểu là 2 năm trừ đi 1 ngày

Như vậy, căn cứ vào tình tiết thuộc về nhân thân là có phạm tội lần đầu hay lần bao nhiêu để quyết định hình phạt. Đối với những trường hợp phạm tội lần đầu thì mức hình phạt sẽ nhẹ hơn, thể hiện ở việc không quy định mức tối thiểu của hình phạt đó.

Ngoài ra, đối với các tội phạm về tình dục, khi quyết định hình phạt cũng phải căn cứ vào độ tuổi của cả hai bên, sự chênh lệch về độ tuổi hay việc hai bên đã kết hôn chưa.

Về nguyên tắc để tuyên án, BLHS Canada cũng quy định nguyên tắc cơ bản tại Điều 718.1 đó là Bản án tuyên phải tương ứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và mức độ trách nhiệm của người phạm tội. Điều 718.2 quy định về các nguyên tắc tuyên án khác *“Tòa án tuyên bản án phải cân nhắc đến các nguyên tắc sau đây:*

a) Mức án cần được tăng nặng hoặc giảm nhẹ theo bất kỳ tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ nào liên quan đến tội phạm hoặc người phạm tội và không hạn chế ở tính phổ quát của quy định

...

e) Tất cả các hình phạt được tuyên mà không phải là hình phạt tù và là thích hợp trong các trường hợp cụ thể thì cần được cân nhắc cho tất cả những người phạm tội. đặc biệt trường hợp người phạm tội là thổ dân”.

Hay ở một quy định khác về việc đưa ra quyết định treo án theo Khoản 1 Điều 731: *“Khi một người bị kết án về một tội, tòa án sau khi cân nhắc đến tuổi và tính cách của người phạm tội, bản chất hành vi phạm tội và các tình tiết xung quanh việc phạm tội, có thể:*

a) nếu không có mức án tối thiểu được luật quy định, hoãn tuyên hình phạt và quyết định là người phạm tội được tha với các điều kiện được nêu trong quyết định treo án hoặc;

b) bên cạnh việc phạt tiền hoặc tuyên người phạm tội hình phạt tù có thời hạn không quá 2 năm, quyết định là người phạm tội phải tuân theo các điều kiện được nêu trong quyết định treo án.”

Một số tình tiết thuộc về nhân thân cũng được xem xét để miễn TNHS. Như theo Điều 155 về Loạn luân, phần biện hộ có quy định không ai bị Tòa án tuyên là có tội về một tội phạm theo Điều này nếu người đó bị tâm thần, ép buộc hoặc sợ hãi đối với người mà bị cáo thực hiện hành vi giao cấu vào thời điểm hành vi giao cấu được thực hiện.

Như vậy, mặc dù không quy định cụ thể trong một điều luật nhưng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội như về độ tuổi, khả năng nhận thức, phạm tội lần đầu, người thổ dân... vẫn được đề cập đến trong các điều luật khác nhau tại cả phần chung và phần riêng. Tuy nhiên tính khái quát chưa được cao, dẫn đến việc nghiên cứu và áp dụng có thể phần nào gặp khó khăn [Xem: 29, tr.542-tr.567].

Thông qua việc nghiên cứu các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong BLHS của năm quốc gia trên, ta có thể thấy được những điểm tương đồng và những điểm khác biệt với BLHS Việt Nam. Mỗi quốc gia lại có những đặc trưng riêng về chính trị, kinh tế, xã hội, việc đó ít nhiều cũng ảnh hưởng đến chính sách pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Tuy vậy, tựu chung lại ta vẫn thấy chính sách nhân đạo được thể hiện qua việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội có mặt ở cả sáu quốc gia nói riêng và tôi cho rằng tất cả các BLHS trên thế giới đều có. Để có thể hoàn thiện được BLHS Việt Nam sao cho phù hợp với bối cảnh hiện thời, thiết nghĩ các nhà làm luật Việt Nam cần nghiên cứu kỹ về những điểm tương đồng và khác biệt trong các BLHS trên thế giới để có thể học hỏi kinh nghiệm và hoàn thiện BLHS nước nhà.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ VIỆC HOÀN THIÊN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THUỘC VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI

3.1. Thực tiễn xét xử một số vụ án có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

Các tình tiết giảm nhẹ nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định hình phạt. Để có kết quả cụ thể hơn, tác giả đã lấy ngẫu nhiên 125 Bản án hình sự phúc thẩm và sơ thẩm (trong tổng số 152 Bản án có danh mục đi kèm) của Tòa án nhân dân các tỉnh Đồng Tháp, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Long An, Đắk Lắk, Hòa Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Sơn La, Bình Định, Đắk Nông, Tiền Giang, Tiền Long, Kon Tum, Hải Phòng, Hưng Yên, Lai Châu, An Giang, Thừa thiên Huế, Thanh Hóa... với các vụ án đã xảy ra trong hai năm 2013 và 2014 trở lại đây. Việc nghiên cứu các bản án này đã cho tác giả một cái nhìn tổng quát nhất cho đến chi tiết về việc thực tiễn áp dụng các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong quyết định hình phạt của Tòa án các tỉnh trên toàn quốc.

3.1.1 Thực tiễn xét xử một số vụ án có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Nhìn chung, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong quyết định hình phạt khá phổ biến. Tuy nhiên, việc sử dụng các tình tiết này lại không đồng đều về mặt tần suất được sử dụng. Có những tình tiết được sử dụng khá nhiều, hầu như có mặt tại tất cả các bản án. Ngược lại, có những tình tiết lại gần như không được sử dụng hoặc sử dụng

rất ít. Tác giả đã thống kê số lần sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội dựa trên cơ sở nghiên cứu 125 bản án nói trên, thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1. Thống kê số lần sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) dựa trên cơ sở nghiên cứu 125 bản án.

STT	Tên tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009)	Số lần được áp dụng	Tỷ lệ
1	Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Điểm h)	16	12,8%
2	Phạm tội do lạc hậu (Điểm k)	0	0%
3	Người phạm tội là phụ nữ có thai (Điểm l)	0	0%
4	Người phạm tội là người già (Điểm m)	1	0,8%
5	Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (Điểm n)	0	0%
6	Người phạm tội tự thú (Điểm o)	5	4%
7	Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải (Điểm p)	117	93,6%
8	Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm (Điểm q)	1	0,8%
9	Người phạm tội đã lập công chuộc tội (Điểm r)	1	0,8%
10	Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác (Điểm s)	3	2,4%

Qua bảng trên ta có thể thấy rõ sự chênh lệch về tần suất được áp dụng giữa các tình tiết. Tình tiết được sử dụng nhiều nhất trong các bản án là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải” được quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 với số trường hợp sử dụng lên đến 117 trường hợp, chiếm tỷ lệ 93,6%. Xếp thứ hai là tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” được quy định tại điểm h với số trường hợp được sử dụng là 16 trường hợp, chiếm tỷ lệ 12,8%. Tiếp theo là tình tiết “Người phạm tội tự thú” có 5 trường hợp, chiếm 4%. Tình tiết “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” với 3 trường hợp, chiếm 2,4 %. Ba tình tiết “Người phạm tội là người già” và “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm” “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” với mỗi loại chỉ có 1 trường hợp, chiếm 0,8%. Còn lại các tình tiết khác không có trường hợp nào được áp dụng trong 125 bản án mà tác giả đã nghiên cứu.

Sở dĩ có sự chênh lệch như vậy là bởi nhiều nguyên nhân. Có một số tình tiết đã được sử dụng là tình tiết định tội, định khung hình phạt thì không được vận dụng để giảm nhẹ TNHS nữa. Hoặc nguyên nhân khác là do nhiều trường hợp chỉ đáp ứng được một phần điều kiện của tình tiết giảm nhẹ, những trường hợp này Tòa án thường ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46 (cụ thể sẽ được xem xét ở mục sau). Một lý do nữa đó là sự nhận thức và cách hiểu, cách vận dụng các tình tiết này không giống nhau giữa các Tòa án.

Qua nghiên cứu các bản án đó cho thấy việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS này đa số đã được vận dụng đúng nội dung và điều kiện theo yêu cầu luật định và đảm bảo tính công bằng, hợp lý. Tuy nhiên, đây là một quy định khá "mở", phụ thuộc nhiều vào nhận thức cũng như trình độ của thẩm phán, do đó không tránh được những sai sót thể hiện ở việc mở rộng hay thu

hẹp phạm vi áp dụng các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội. Một số hạn chế còn tồn tại đó là:

Thứ nhất: Vận dụng sai các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội: trong thực tế có một số trường hợp áp dụng sai về mặt nội dung như khi vận dụng tình tiết người phạm tội là người quá già, người quá già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo mắc sai sót như người mắc bệnh thông thường đau dạ dày, sốt rét lại được coi là mắc bệnh hiểm nghèo, chưa đến 60 tuổi lại được coi là người già. Như vậy, do không có quy định cụ thể về tuổi của người già nên dẫn đến tình trạng áp dụng tùy tiện của Tòa án.

Thứ hai: Không đảm bảo điều kiện áp dụng: điều kiện áp dụng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS khá chặt chẽ, tuy nhiên trong thực tế nhiều trường hợp lại thiếu một trong các điều kiện mà vẫn được toà án áp dụng. Ví dụ khi vận dụng tình tiết "Phạm tội do lạc hậu" thì nhiều nơi chỉ chú ý đến điều kiện lạc hậu, nghèo nàn của người phạm tội mà bỏ qua điều kiện tình trạng lạc hậu đó phải gắn liền với việc thực hiện hành vi phạm tội. Hoặc khi vận dụng tình tiết "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" lại chỉ chú ý đến về đầu tiên là "phạm tội lần đầu" chứ không chú ý đến "thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"

Có thể lấy ví dụ một số trường hợp cụ thể như sau:

1) Tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” (Điểm h Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)

Theo nội dung của Bản án hình sự phúc thẩm số 102/2014/HSPT ngày 31/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Nguyễn Hoàng Sơn, Nguyễn Văn Tài đã phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Trần Văn Mai phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án hình sự sơ thẩm số 02/2014/HSST ngày 15/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện Nông Công. Tòa án hình sự sơ thẩm

đã áp dụng Điểm h Khoản 1 Điều 46 BLHS làm căn cứ giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo, tuy nhiên Tòa phúc thẩm đã hủy bỏ việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này vì cho rằng Tòa sơ thẩm đã áp dụng thiếu chính xác. Xét về nội dung vụ án, trước khi đưa ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống ngày 15/01/2014 đối với hành vi phạm tội diễn ra ngày 09/07/2013, trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai báo về hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội trước đó vào các ngày 30/06/2013 và 07/07/2013. Như vậy, ở đây có sự vận dụng thiếu thống nhất đối với tình tiết "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng". Như đã nêu tại Chương 2, hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm "Phạm tội lần đầu". Vậy thì ở đây nên hiểu "Phạm tội lần đầu" nên hiểu theo quan điểm "Lần đầu thực hiện hành vi phạm tội" hay "Lần đầu bị kết án"? Việc quy định như hiện tại và không có hướng dẫn cụ thể sẽ gây ra việc hiểu và vận dụng không thống nhất như vụ án kể trên.

2) Tình tiết “Người phạm tội là người già” (Điểm m Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)

Bản án số 250/2014/HSPT ngày 08/07/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Hồ Khắc Thân (sinh năm 1951). Theo đó, vào năm 2009 hai bị cáo đã thực hiện hành vi làm giả các giấy tờ của hồ sơ thương binh để hưởng trợ cấp của nhà nước. Ngày 14/04/2014, tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tuyên bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng các Điểm b,p Khoản 1 Điều 46 BLHS là các tình tiết giảm nhẹ với mức phạt đối với bị cáo Hồ Khắc Thân 1 năm 6 tháng tù. Ngày 23/4/2014 bị cáo Hồ Khắc Thân kháng cáo xin được hưởng án treo. Sau khi xem xét hồ sơ vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/07/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét rằng “Xét đơn kháng cáo của bị cáo Thân Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có thời gian công tác và có bị mất sức lao động 81% sức khỏe do bị tai nạn lao động hiện đang hưởng trợ cấp mất sức lao động,

hiện là người già đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm m khoản 1,2 Điều 46 BLHS xong cấp sơ thẩm chưa xem xét là có thiếu sót nên áp dụng bổ sung và giảm cho bị cáo một phần hình phạt”. Do vậy, Tòa phúc thẩm đã chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hồ Khắc Thân, áp dụng điểm b,p,m khoản 1,2 Điều 46 BLHS giảm thời hạn tù còn 1 năm 3 tháng. Như vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk áp dụng tình tiết “Người phạm tội là người già” là đúng hay sai? Bởi lẽ nếu tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Thân mới có 58 tuổi, tính đến thời điểm diễn ra phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì bị cáo Thân cũng mới chỉ 60 tuổi. Vậy thì căn cứ vào đâu để Tòa án xác định bao nhiêu tuổi thì được gọi là người già? Là 70 tuổi theo Khoản 2.4 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP (xác định đối với tình tiết phạm tội đối với người già) hay từ đủ 70 tuổi trở lên hoặc từ 60 tuổi trở lên mà thường xuyên đau ốm theo khái niệm “người quá già yếu” của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP? Như vậy, có thể thấy xét về mặt lập pháp thì do tình tiết này chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể dẫn đến việc áp dụng trong thực tiễn vẫn chưa thống nhất và chính xác nên việc các Tòa án có cách hiểu và áp dụng khác nhau là điều không tránh khỏi. Thiết nghĩ, nên quy định tình tiết này cụ thể hơn để có thể đảm bảo sự công bằng và thống nhất trong việc áp dụng tình tiết này.

3) Tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” (Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)

Bản án hình sự phúc thẩm số 510/2014/HSPT của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/07/2014 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Minh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Theo đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2014/HSST ngày 19/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS làm căn cứ để giảm nhẹ TNHS cho bị cáo Nguyễn Ngọc Minh. Tuy nhiên, tòa phúc thẩm đã xét thấy “Trong quá trình điều tra, xét xử Nguyễn Ngọc Minh không khai nhận

hành vi phạm tội của mình nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ hình phạt là không đúng, đồng thời cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 51 khi tổng hợp hình phạt là có sai sót, cần rút kinh nghiệm”. Như vậy, Tòa án nhân dân Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh đã có sai sót trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, đối với tình tiết tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS đã được quy định khá rõ ràng, việc áp dụng tình tiết này không khó khăn nên việc vận dụng trong thực tiễn không đúng là lỗi của riêng tòa đó. Như vậy, trong thực tiễn xét xử cần thắt chặt hơn nữa việc áp dụng và cần nâng cao trình độ chuyên môn của người áp dụng.

Nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trên đó là có thể do sự phức tạp của quy định về các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội, chưa có nhận thức thống nhất về nội dung và điều kiện áp dụng, thiếu hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hoặc có thể do năng lực của các chủ thể áp dụng.

Tóm lại, phạm vi áp dụng của các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội khá rộng. Các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội này được áp dụng cho tất cả các loại tội phạm một cách công bằng, không phân biệt mức độ áp dụng đối với từng loại tội phạm riêng biệt nào. Mặc dù phạm vi áp dụng rộng dẫn đến có một số hạn chế nhưng điều kiện áp dụng lại chặt chẽ nên về cơ bản việc vận dụng vẫn đảm bảo được yếu tố khách quan, công bằng

3.1.2 Thực tiễn xét xử một số vụ án có các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 1 Điều 46, có rất nhiều tình tiết được Tòa án ghi nhận cũng có giá trị giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46. Đó là các tình tiết đã được hướng dẫn tại các văn bản hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao như Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999 hoặc có thể là các tình tiết trong các trường hợp cụ thể, được Tòa án ghi nhận. Cũng dựa trên cơ sở của 125 bản án mà tác giả đã nghiên cứu, có thể rút ra tần suất áp dụng các tình tiết đó tại bảng sau:

Bảng 3.2. Thống kê số lần sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 được hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP dựa trên cơ sở nghiên cứu 125 bản án.

STT	Tên tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 được hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999	Số lần được áp dụng	Tỷ lệ
1	Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước	12	11,4%
2	Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sỹ	2	1,6%
3	Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên	1	0,8%

Bảng thống kê việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội do Tòa án tự ghi nhận dựa theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Bảng 3.3. Thống kê việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội do Tòa án tự ghi nhận dựa theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS dựa trên cơ sở nghiên cứu 125 bản án.

STT	Tên tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được Tòa án tự ghi nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009)	Số lần được áp dụng	Tỷ lệ
1	Người phạm tội chưa có tiền án tiền sự	27	21,6%
2	Người phạm tội có trình độ văn hóa thấp; nhận thức pháp luật kém; không biết chữ	12	11,4%
3	Người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải nuôi con nhỏ và bố mẹ già; người phạm tội thuộc thành phần lao động nghèo, học lực thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh bất hạnh, bố mẹ mất sớm, sống với bà ngoại sức yếu...	20	16%
4	Nhân thân tốt, ăn năn hối cải	15	12%
5	Người phạm tội tuổi còn trẻ, chưa thành niên	16	12,8%
6	Người phạm tội là người dân tộc thiểu số	6	4,8%
7	Người phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, công việc làm ổn định	12	9,6%
8	Người phạm tội là lao động chính	8	6,4%
9	Người phạm tội là người có công đóng góp cho đất nước	3	2,4%

Trên thực tế, có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau đối với quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng Thẩm phán, cụ thể như sau:

1) Tình tiết “*Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước*” (Điểm c Mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999). Khi xét xử, nhiều trường hợp đã mở rộng “chủ thể” được tặng danh hiệu cao quý có quan hệ với người phạm tội ngoài “vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột” với người phạm tội là “*ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu ruột kêu người phạm tội là ông, bà nội, ngoại*”. Thậm chí trong một số trường hợp còn xem xét đến cả hàng “chú” của người phạm tội để làm căn cứ giảm nhẹ TNHS hoặc cũng có một số trường hợp chỉ nói chung chung là “gia đình bị cáo có công với cách mạng”. Ngoài ra, Tiết 1 điểm c Mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP còn quy định mở “*...hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước*”. Quy định này cho phép xem xét đến các danh hiệu khác trong thời kỳ kháng chiến như danh hiệu “Dũng sỹ” để làm cơ sở giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội để phù hợp với đạo lý, chính sách nhân đạo của Nhà nước ta.

2) Tình tiết “*Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên*”. Nhiều Hội đồng xét xử đã chỉ xem xét áp dụng tình tiết này nếu người phạm tội bị tai nạn lao động trong công tác. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả việc quy định như vậy không thể hiện được tinh thần nhân đạo của nước ta. Bởi lẽ nên quan tâm đến vấn đề mấu chốt là khi phạm tội họ đã là người tàn tật, do vậy nên giảm TNHS cho họ mà không nên quy định bắt buộc phải có nguyên nhân là lao động hay công tác.

Ngoài các tình tiết đã được hướng dẫn, Tòa án có thể áp dụng các tình tiết tùy vào quan niệm của từng Tòa dẫn đến sự khác nhau trong việc áp dụng. Cùng là người dân tộc thiểu số, nhưng có nơi thì lại cho đó là một tình tiết để giảm nhẹ, có nơi lại không cho giảm nhẹ nhờ tình tiết ấy. Hoặc có những bị cáo được giảm nhẹ TNHS hơn những bị cáo khác vì có thành tích trong nghề thuật cải lương như bị cáo Hoàng Kim Long (Kim Tử Long)... Để khắc phục việc áp dụng tùy tiện, thiếu thống nhất quy định Tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 thì cần có quy định hướng dẫn một cách chi tiết hơn về việc áp dụng Tình tiết giảm nhẹ TNHS ở khoản 2 Điều 46 BLHS.

Qua nghiên cứu các bản án trên, hầu hết tất cả các bản án sơ thẩm đều đã sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội để giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, nhiều trường hợp người phạm tội vẫn kháng cáo dựa trên cơ sở các tình tiết này hoặc bổ sung các tình tiết mới hay do kháng nghị của Viện kiểm sát để đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm án thêm cho người phạm tội. Tuy nhiên, chỉ những trường hợp nào đáp ứng được điều kiện luật định và xứng đáng được tiếp tục khoan hồng thì Tòa án cấp phúc thẩm mới chấp nhận một phần hay toàn bộ kháng cáo/kháng nghị để giảm/tăng hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Trong 125 bản án mà tác giả đã nghiên cứu, có 27 bản án chấp nhận kháng cáo/kháng nghị để thay đổi hình phạt (tức là chiếm 21,6%) dựa trên cơ sở bổ sung thêm các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Điều này chứng tỏ đa phần các Tòa án cấp sơ thẩm đều đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong khi xét xử. Tuy nhiên, việc tồn tại 21,6% này có một số lý do như sau:

Thứ nhất: Do Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thiếu tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội hoặc cho đến khi xét xử phúc thẩm mới xuất hiện tình tiết

giảm nhẹ này (Đối với trường hợp nhận tội và hợp tác tại Tòa phúc thẩm) Trong trường hợp này Tòa án cấp phúc thẩm sẽ bổ sung thêm và làm căn cứ để giảm bớt hình phạt cho người phạm tội

Thứ hai: Do Tòa án cấp sơ thẩm vận dụng sai tình tiết giảm nhẹ. Đó là trường hợp tại Bản án phúc thẩm số 510/2014/HSPT ngày 22/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa đã nhận thấy trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc Minh đã không khai nhận hành vi phạm tội của mình nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng điểm p, Khoản 1, Điều 46 BLHS 1999 để giảm nhẹ hình phạt là không đúng, đề nghị rút kinh nghiệm. Vì vậy, Tòa phúc thẩm đã không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. (Tuy nhiên, trong 125 Bản án thì chỉ có 1 bản án là cấp sơ thẩm xử không đúng tình tiết giảm nhẹ như vậy)

Đa phần trong các bản án sửa lại bản án sơ thẩm thì phần lớn là dựa vào các tình tiết quy định tại Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để làm căn cứ giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội. Tuy nhiên, một số Bản án cũng chỉ ghi chung chung mà không ghi rõ ràng cụ thể. Ví dụ như nhiều trường hợp sử dụng tình tiết: Gia đình có công với cách mạng (Mà không nói rõ là đối tượng nào?), người phạm tội trẻ tuổi... Đây là điểm cần lưu ý trong thực tiễn xét xử.

Tuy nhiên, nguyên nhân chính dẫn đến việc vận dụng sai như vậy một phần là do một số quy định của BLHS chưa chặt chẽ và không có hướng dẫn cụ thể. Trong Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành BLHS của Bộ tư pháp năm 2014 đã nêu rõ : *“BLHS được ban hành trong một thời gian khá dài, một số điều luật còn quy định chung chung, trong khi đó, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa được ban hành kịp thời hoặc chưa cụ thể nên khó triển khai thực hiện trên thực tế. Có trường hợp đã có hướng dẫn nhưng lại nằm rải rác tại nhiều văn bản mà chưa được tập hợp, hệ thống hóa; nhiều trường hợp thi hành luật mới nhưng phải vận dụng văn bản hướng dẫn cũ... Một số văn bản*

hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao hoặc liên ngành Trung ương ban hành đã lâu, chưa rõ ràng, chưa phù hợp, chưa được rà soát, bổ sung hoặc hướng dẫn lại kịp thời đã gây không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, ví dụ như: về vấn đề miễn TNHS, về các các tình tiết giảm nhẹ TNHS, vấn đề tái phạm nguy hiểm hay một số tội danh cụ thể khác.” [4,tr.12]. Báo cáo cũng chỉ ra trong công tác thực thi BLHS các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên có lúc vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa có sự hợp tác chặt chẽ. Một số quy định vẫn chưa có sự hướng dẫn cụ thể dẫn đến việc áp dụng pháp luật vẫn chưa được thống nhất, góp phần làm hạn chế hiệu quả thi hành BLHS [Xem: 4,tr.13]. Bên cạnh đó, Bộ tư pháp cũng nêu ra bất cập, hạn chế trong quy định của BLHS về vấn đề căn cứ quyết định hình phạt đối với quy định “Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án” [Xem: 4,tr.14].

Từ những thực trạng này, đòi hỏi phải có sự rà soát, đánh giá các quy định cụ thể của BLHS để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, khả thi của hệ thống pháp luật. Đồng thời việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội cũng là yêu cầu tất yếu để đảm bảo hiệu quả trong việc thi hành pháp luật hình sự.

3.2 Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

3.2.1 Hoàn thiện các quy định chung của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ TNHS

Thứ nhất, BLHS hiện hành chưa có quy định cụ thể về tình tiết giảm nhẹ TNHS dẫn đến việc có một số trường hợp áp dụng chưa đúng. Vì vậy, đề nghị nên có một Điều luật cụ thể quy định về khái niệm tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Có thể quy định : *Tình tiết giảm nhẹ TNHS là những trường hợp được quy định trong BLHS , trong các văn bản liên quan hay trong thực tiễn xét xử vụ án hình sự, các tình tiết này có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng như khả năng cải tạo của người phạm tội nên có giá trị làm giảm nhẹ TNHS mà người phạm tội đáng lẽ ra phải chịu nếu không thuộc các trường hợp đó”*

Thứ hai, Bổ sung khái niệm về tình tiết định tội , tình tiết định khung và tình tiết giảm nhẹ TNHS để làm cơ sở giúp các cơ quan tư pháp phân biệt các tình tiết này, nâng cao hiệu quả trong xét xử các vụ án hình sự.

Có thể quy định như sau:

Tình tiết định tội là những tình tiết, biểu hiện của tội phạm phù hợp với các dấu hiệu định tội (dấu hiệu CTTTP cơ bản) của tội cụ thể trong BLHS.

Tình tiết định khung hình phạt là những tình tiết của tội phạm phù hợp và thoả mãn dấu hiệu định khung hình phạt (CTTP giảm nhẹ hoặc tăng nặng) của những tội cụ thể trong BLHS.

Theo đó, nên có những quy định chi tiết hơn đối với mỗi loại tội phạm để làm cơ sở xác định tình tiết định tội và định khung hình phạt.

Thứ ba, nên khái quát hóa một số tình tiết thường xuyên xảy ra trong thực tiễn thành các quy định trong BLHS, tạo điều kiện áp dụng các tình tiết này dễ dàng hơn.

3.2.2 Hoàn thiện các quy định riêng của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Từ những nghiên cứu khoa học của mình, tác giả đề xuất một số ý kiến mang tính chất tham khảo để hoàn thiện các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) như sau:

Thứ nhất: Tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, thì thế nào là “Phạm tội lần đầu?”. Theo quan điểm của tác giả, nên có quy định cụ thể hoặc hướng dẫn về khái niệm “Phạm tội lần đầu”, đó là “Lần đầu thực hiện hành vi phạm tội”. Tức là nếu trước đó người phạm tội đã thực hiện một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội, đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nhưng chưa bị phát hiện và đưa ra xét xử thì cũng không được coi là phạm tội lần đầu.

Thứ hai: Tình tiết “Người phạm tội là người già”: Người già thì thông thường trí tuệ giảm sút, cơ thể suy yếu và có ảnh hưởng tới tâm, sinh lý. Do vậy việc giảm nhẹ TNHS cho họ là điều đúng đắn, đảm bảo tinh thần nhân đạo của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra truy tố xét xử cho thấy do quy định của BLHS còn quá chung chung nên việc áp dụng không thống nhất, thậm chí, trong một số trường hợp, việc áp dụng tình tiết này còn không đúng bản chất của nó, gây ảnh hưởng xấu. Khi nào được coi là người già và trong trường hợp nào thì được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Để khắc phục những hạn chế đó, tác giả đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể độ tuổi như sau: “*Người phạm tội là nữ giới từ 65 tuổi trở lên và là nam giới từ 70 tuổi trở lên*”

Ngoài ra, cũng cần có hướng dẫn cụ thể việc xác định tuổi đó là vào thời điểm thực hiện tội phạm hay vào thời điểm bị đưa ra xét xử? Theo quan điểm của tác giả, nên quy định thời điểm tính tuổi của tình tiết này là tuổi tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Bởi lẽ có nhiều trường hợp hành vi phạm tội xảy ra một thời gian dài rồi mới bị phát hiện và đưa ra xét xử nên căn cứ vào tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội sẽ hợp lý và công bằng hơn. Bên cạnh đó, việc quy định thời điểm xét tuổi làm căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này là khi thực hiện hành vi phạm tội sẽ tạo điều kiện cho cơ quan điều tra và truy tố có cơ sở để tiến hành tố tụng.

Thứ ba: Tình tiết “Người phạm tội tự thú”: Do Bộ luật hình không quy định cụ thể, cho nên khái niệm tự thú còn có cách hiểu khác nhau. Trong thực tiễn vẫn có sự nhầm lẫn giữa “tự thú” và “đầu thú”. Xét về bản chất, rõ ràng “tự thú” thể hiện được giá trị giảm nhẹ nhiều hơn “đầu thú” do người phạm tội dù chưa bị phát hiện đã tự mình đến khai báo, nhận tội. Tuy nhiên, cả hai đều là trường hợp người phạm tội mặc dù chưa bị bắt nhưng đã chủ động đến nhận tội và chịu sự trừng phạt của pháp luật nên cả hai đều đáng được khoan hồng. Theo quan điểm của tác giả, nên đưa “đầu thú” vào trong Khoản 1 Điều 46 BLHS để làm căn cứ giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội. Có thể quy định tại chung một điểm với “tự thú” như sau : “*Người phạm tội tự thú hoặc đầu thú*”, hoặc có thể tách ra thành một điểm riêng biệt “*Người phạm tội đầu thú*”. Đồng thời, nên có hướng dẫn cụ thể về khái niệm của “tự thú” và “đầu thú” để tránh sự nhầm lẫn trong việc vận dụng pháp luật hình sự.

Thứ tư: Quy định thêm trường hợp khác thuộc về nhân thân người phạm tội đáng được giảm nhẹ TNHS “*Người phạm tội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và là lao động chính của gia đình*”. Đây là trường hợp khá phổ biến, được các Tòa án vận dụng khá nhiều với tư cách là tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Khoản 2 Điều 46 BLHS. Đồng thời, qua việc nghiên cứu về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội của một số quốc gia trên thế giới tại Chương 2 cho thấy nhiều nước sử dụng tình tiết này để giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội. Bởi lẽ khi người phạm tội là lao động chính trong gia đình và hoàn cảnh của họ quá khó khăn thì việc họ phải chịu TNHS sẽ khiến cuộc sống của họ và thân nhân càng trở nên khó khăn hơn. Giảm nhẹ TNHS cho họ không chỉ thể hiện sự khoan hồng mà còn là để đảm bảo cho cuộc sống của chính họ và những người phụ thuộc. Đây cũng là tình tiết được một số nước trên thế giới đã quy định là tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu đề tài “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội”, tác giả rút ra một số kết luận sau:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là một chế định được vận dụng khá nhiều trong thực tiễn và đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Tuy vậy, cùng với sự phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập trong quá trình thực tiễn áp dụng chế định này như : chưa đảm bảo tính nhất quán về mặt logic pháp lý, chưa chặt chẽ về mặt lập pháp dẫn đến khó khăn trong áp dụng ... Vì vậy, việc nghiên cứu và hoàn thiện về mặt lý luận cũng như điều chỉnh việc vận dụng vào thực tế hết sức quan trọng để đảm bảo lợi ích cho người phạm tội và thể hiện chính sách khoan hồng của đất nước ta. Trong phạm vi luận văn này, tác giả chủ yếu đề cập đến các vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất: Trong pháp luật hình sự Việt Nam, các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội được hình thành khá sớm, hoàn thiện dần qua các giai đoạn và đang giữ vai trò rất quan trọng.

Thứ hai: Trong luận văn này, tác giả đã đưa ra các khái niệm pháp lý chặt chẽ và khoa học về các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng. Nghiên cứu các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và theo quy định của BLHS một số nước trên thế giới như tác giả đã trình bày tại Chương 2 với mục đích đem lại hiệu quả trong việc nghiên cứu lập pháp cho phù hợp với sự phát triển của lập pháp hình sự toàn cầu

Thứ ba, Qua những số liệu và thực tiễn vận dụng trong quá trình xét xử cũng như những tồn tại, hạn chế mà tác giả đã đề cập đến trong Chương 3 và một số ý kiến đóng góp để hoàn thiện quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội dựa trên cơ sở nghiên cứu toàn bộ từ lý luận và thực tiễn, tác giả hy vọng rằng luận văn sẽ có thể hữu ích trong việc nhìn nhận thực tế và có hướng giải quyết tốt hơn cho việc lập pháp và vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong thực tiễn xét xử.

Để có thể đạt được hiệu quả trong cả quá trình lập pháp và thực tiễn áp dụng, tác giả cho rằng cần phải có một số giải pháp cụ thể sau:

- 1) Tăng cường công tác truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội
- 2) Bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng
- 3) Tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong áp dụng pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội
- 4) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Đặc biệt là những vụ án có sử dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội

Tất cả các giải pháp này cần phải được tiến hành đồng bộ tùy theo tình hình cụ thể. Bên cạnh đó, cần có những quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội để đảm bảo việc hiểu và áp dụng thống nhất trước hết là giữa những người tiến hành tố tụng cũng như những người có liên quan. Có như vậy thì mới đạt được hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đem lại công bằng cho xã hội.

DANH MỤC BẢN ÁN THAM KHẢO

STT	Ngày xét xử	Số bản án	Tội danh	Tòa án nhân dân xét xử
1	8/1/2014	300/2014/HSST	Cướp giật tài sản	Thành phố Hồ Chí Minh (HCM)
2	6/2/2014	136/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Thanh Hóa
3	7/2/2014	243/2014/HSPT	Hiếp dâm	Đắk Lắk
4	8/5/2014	534/2014/HSPT	Mua bán trái phép chất ma túy	Thành phố HCM
5	8/5/2014	535/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Thành phố HCM
6	8/5/2014	536/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Thành phố HCM
7	8/5/2014	537/2014/HSPT	Đánh bạc	Thành phố HCM
8	8/5/2014	303/2014/HSST	Hiếp dâm trẻ em	Thành phố HCM
9	5/6/2014	09/2014/HSST	Tham ô tài sản	Tiền Giang
10	6/6/2014	216/2014/HSST	Gây rối trật tự công cộng	Thành phố Hà Nội
11	8/6/2014	18/2014/HSPT	Hiếp dâm trẻ em	Hòa Bình
12	8/6/2014	125/2014/HSPT	Mua bán trái phép chất ma túy	Tiền Giang
13	8/6/2014	176/2014/HSPT	Đánh bạc	Kiên Giang
14	8/6/2014	289/2014/HSPT	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Đắk Lắk
15	8/6/2014	41/2014/HSST	Giết người	Đắk Nông
16	8/6/2014	53//2014/HSST	Gây rối trật tự công cộng	An Giang
17	8/6/2014	19/2014/HSST	Giết người	Vĩnh Long

18	5/7/2014	251/2014/HSPT	Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Tham ô tài sản	Thành phố HCM
19	7/7/2014	375/2014/HSPT	Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ	Thành phố HCM
20	8/7/2014	220/2014/HSPT	Chống người thi hành công vụ	Đồng Tháp
21	8/7/2014	219/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Đồng Tháp
22	8/7/2014	135/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Long An
23	8/7/2014	49/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Đắk Nông
24	8/7/2014	178/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Kiên Giang
25	8/7/2014	42/2014/HSST	Hiếp dâm trẻ em	Đắk Nông
26	7/8/2014	380/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
27	7/8/2014	250/2014/HSPT	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Đắk Lắk
28	8/8/2014	109/2014/HSPT	Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy	Thừa Thiên Huế
29	8/8/2014	224/2014/HSPT	Chống người thi hành công vụ	Đồng Tháp
30	8/8/2014	117/2014/HSST	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Hải Phòng
31	8/8/2014	56/2014/HSST	Hiếp dâm trẻ em	Đắk Lắk
32	7/10/2014	255/2014/HSPT	Buôn bán hàng cấm	Đắk Lắk

33	7/10/2014	255/2014/HSPT	Buôn bán hàng cấm	Đắk Lắk
34	7/11/2014	92/2014/HSPT	Đánh bạc	Thừa Thiên Huế
35	8/11/2014	73/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Vĩnh Long
36	8/11/2014	179/2014/HSPT	Vận chuyển hàng cấm	Kiên Giang
37	8/11/2014	554/2014/HSPT	Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	Thành phố HCM
38	8/11/2014	297/2-14/HSPT	Cướp tài sản	Đắk Lắk
39	8/12/2014	55/2014/HSST	Giết người	Kiên Giang
40	13/08/2014	98/2014/HSPT	Chống người thi hành công vụ	Phú Yên
41	13/08/2014	110/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Son La
42	13/08/2014	44/2014/HSST	Cưỡng đoạt tài sản	Đắk Nông
43	14/07/2014	260/2014/HSPT	Cướp tài sản	Đà Nẵng
44	14/07/2014	246/2014/HSPT	Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	Đà Nẵng
45	14/07/2014	247/2014/HSPT	Giết người, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng	Đà Nẵng
46	14/07/2014	258/2014/HSPT	Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng	Đà Nẵng
47	14/07/2014	259/2014/HSPT	Sử dụng trái phép tài sản	Đà Nẵng
48	14/07/2014	262/2014/HSPT	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Đà Nẵng

49	14/07/2014	105/2014/HSPT	Đánh bạc	An Giang
50	14/07/2014	245/2014/HSPT	Giết người	Đà Nẵng
51	14/07/2014	272/2014/HSST	Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	Thành phố HCM
52	14/08/2014	43/2014/HSPT	Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	Tuyên Quang
53	14/08/2014	47/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Đắk Nông
54	14/08/2014	56/2014/HSST	Hiếp dâm trẻ em	An Giang
55	15/07/2014	101/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Thừa Thiên Huế
56	15/07/2014	265/2014/HSPT	Cướp tài sản	Đắk Lắk
57	15/07/2014	263/2014/HSPT	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Đà Nẵng
58	15/08/2014	49/2014/HSST	Hiếp dâm trẻ em	Đắk Nông
59	15/08/2014	48/2014/HSST	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Đắk Nông
60	16/07/2014	249/2014/HSPT	Cướp tài sản	Đà Nẵng
61	16/07/2014	250/2014/HSPT	Giết người	Đà Nẵng
62	16/07/2014	251/2014/HSPT	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Đà Nẵng
63	16/07/2014	483/2014/HSPT	Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	Thành phố HCM
64	16/07/2014	484/2014/HSPT	Mua bán trái phép chất	Thành phố HCM

			ma túy	
65	16/07/2014	485/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Thành phố HCM
66	16/07/2014	274/2014/HSST	Giết người	Thành phố HCM
67	16/07/2014	273/2014/HSST	Hiếp dâm trẻ em	Thành phố HCM
68	17/06/2014	323/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
69	17/07/2014	265/2014/HSPT	Tham ô tài sản	Đà Nẵng
70	17/07/2014	267/2014/HSPT	Hiếp dâm trẻ em và Dâm ô đối với trẻ em	Đà Nẵng
71	17/07/2014	268/2014/HSPT	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Đà Nẵng
72	17/07/2014	114/2014/HSPT	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tiền Giang
73	17/07/2014	109/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	An Giang
74	17/07/2014	489/2014/HSPT	Cướp giật tài sản	Thành phố HCM
75	17/07/2014	275/2014/HSST	Giết người	Thành phố HCM
76	18/07/2014	111/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	An Giang
77	18/07/2014	84/2014/HSPT	Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ	Phú Yên
78	18/07/2014	499/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Thành phố HCM
79	18/07/2014	103/2014/HSST	Trộm cắp tài sản	Hải Phòng
80	18/07/2014	276/2014/HSST	Giết người	Thành phố HCM
81	18/07/2014	39/2014/HSST	Cướp tài sản	Thái Nguyên
82	19/08/2014	39/2014/HSST	Giết người	Sóc Trăng
83	20/08/2014	176/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Bình Định

84	20/08/2014	175/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Bình Định
85	21/07/2014	270/2014/HSPT	Giết người, Không tố giác tội phạm	Đà Nẵng
86	21/07/2014	253/2014/HSPT	Hiếp dâm trẻ em	Đà Nẵng
87	21/07/2014	254/2014/HSPT	Giết người	Đà Nẵng
88	21/07/2014	502/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Thành phố HCM
89	21/07/2014	503/2014/HSPT	Cướp giật tài sản	Thành phố HCM
90	21/07/2014	269/2014/HSPT	Giết người	Đà Nẵng
91	21/07/2014	408/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
92	21/07/2014	407/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
93	21/07/2014	404/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
94	21/07/2014	117/2014/HSPT	Đánh bạc	Tiền Giang
95	21/07/2014	25/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Ninh Bình
96	21/07/2014	255/2014/HSPT	Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	Đà Nẵng
97	21/07/2014	58/2014/HSST	Mua bán người và Mua bán trẻ em	Lai Châu
98	21/07/2014	277/2014/HSST	Trộm cắp tài sản	Thành phố HCM
99	21/07/2014	278/2014/HSST	Cướp tài sản	Thành phố HCM
100	21/08/2014	179/2014/HSPT	Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	Bình Định
101	22/05/2014	128/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản	Thanh Hóa

102	22/07/2014	121/2014/HS-PT	Trộm cắp tài sản	An Giang
103	22/07/2014	51/2014/HSPT	Đánh bạc	Vĩnh Phúc
104	22/07/2014	65/2014/HSPT	Đánh bạc	Vĩnh Long
105	22/07/2014	510/2014/HSPT	Mua bán trái phép chất ma túy	Thành phố HCM
106	22/07/2014	33/2014/HSST	Trộm cắp tài sản	Bình Định
107	22/07/2014	40/2014/HSST	Đánh bạc	Kon Tum
108	22/07/2014	282/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Thành phố HCM
109	23/05/2014	131/2014/HSPT	Cướp tài sản	Thanh Hóa
110	23/06/2014	331/2014/HSPT	Tham ô tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Thành phố HCM
111	23/06/2014	329/2014/HSPT	Hiếp dâm trẻ em	Thành phố HCM
112	23/07/2014	438/2014/HSPT	Hiếp dâm trẻ em	Thành phố HCM
113	23/07/2014	437/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
114	23/07/2014	439/2014/HSPT	Tham ô tài sản	Thành phố HCM
115	23/07/2014	31/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Bình Định
116	23/07/2014	283/2014/HSST	Hiếp dâm trẻ em	Thành phố HCM
117	23/07/2014	104/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Son La
118	24/06/2014	337/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
119	24/07/2014	59/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Lai Châu

120	24/07/2014	40/2014/HSST	Giết người	Lào Cai
121	24/07/2014	69/2014/HSST	Giết người	Lai Châu
122	25/04/2014	120/2014/HSPT	Đánh bạc	Thanh Hóa
123	25/04/2014	16/2014/HSST	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Lâm Đồng
124	25/07/2014	45/2014/HS-PT	Cướp tài sản	Lạng Sơn
125	25/07/2014	86/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Phú Yên
126	25/07/2014	445/2014/HSPT	Giết người và Cướp tài sản	Thành phố HCM
127	25/07/2014	70/2014/HSST	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Lai Châu
128	25/07/2014	48/2014/HSST	Cướp tài sản	Hung Yên
129	25/07/2014	64/2014/HSST	Mua bán trẻ em	Lai Châu
130	27/06/2014	254/2014/HSST	Giết người	Thành phố Hà Nội
131	27/07/2014	65/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Lai Châu
132	27/07/2014	63/2014/HSST	Lưu hành tiền giả	Lai Châu
133	28/07/2014	16/HSPT	Tham ô tài sản	Hòa Bình
134	28/07/2014	167/2014/HSPT	Trộm cắp tài sản, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Bình Định
135	28/07/2014	275/2014/HSPT	Đánh bạc	Đắk Lắk
136	28/07/2014	284/2014/HSPT	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Thành phố HCM
137	28/07/2014	516/2014/HSPT	Đánh bạc	Thành phố HCM

138	28/07/2014	447/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
139	29/07/2014	452/2014/HSPT	Hiếp dâm trẻ em	Thành phố HCM
140	29/07/2014	522/2014/HSPT	Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ	Thành phố HCM
141	29/07/2014	14/2014/HSST	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Hậu Giang
142	29/07/2014	289/2014/HSST	Giết người	Thành phố HCM
143	29/07/2014	288/2014/HSST	Giết người	Thành phố HCM
144	29/07/2014	20/2014/HSST	Cố ý gây thương tích	Tiền Giang
145	30/07/2014	281/2014/HSPT	Hiếp dâm	Đắk Lắk
146	30/07/2014	458/2014/HSPT	Giết người	Thành phố HCM
147	30/07/2014	459/2014/HSPT	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Thành phố HCM
148	30/07/2014	35/2014/HSPT	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tuyên Quang
149	30/07/2014	43/2014/HSST	Mua bán trái phép chất ma túy	Kon Tum
150	30/07/2014	293/2014/HSST	Giết người	Thành phố HCM
151	31/03/2014	103/2014/HSPT	Cố ý gây thương tích	Thanh Hóa
152	31/03/2014	102/2014/HSPT	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	Thanh Hóa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Anh (2015), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Ban Biên tập (2012), Nguyễn Văn M có được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, *Tạp chí Viện kiểm sát*, (23), Hà Nội.
3. Thái Chí Bình (2014), Tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 46: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (2), Hà Nội
4. Bộ tư pháp (2014), *Tài liệu Hội nghị toàn quốc tổng kết thi hành Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
5. Các mác – Ăng ghen (1978), *Các Mács Ăngghen toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Văn Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự (Tập I)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Lê Văn Cẩm (2000), Chế định trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (4), Hà Nội.
8. Lê Văn Cẩm (2001), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự (Tập III)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
9. Lê Văn Cẩm (2002), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự (Tập IV)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
11. Lê Văn Cẩm (2013), Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình

- sự: Suy ngẫm về những nguyên tắc cơ bản, *Tạp chí Khoa học của Đại học quốc gia Hà Nội (chuyên san Luật học)*, (3), Hà Nội.
12. Lê Văn Cẩm (2014), Cụ thể hóa một số quy phạm hiến định vào Dự thảo II Bộ luật hình sự (sửa đổi), *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (22), Hà Nội.
 13. Lê Văn Cẩm (Bút danh: Lê Viết Phan Anh) (2013), Mô hình lập pháp về hoàn thiện Bộ luật hình sự (Phần chung) sau pháp điển hóa lần thứ ba, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (22,23,24), Hà Nội.
 14. Lê Văn Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2011), *Định tội danh (lý luận, lời giải mẫu và 500 bài tập)*, Sách chuyên khảo), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 15. Lê Văn Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002), Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (1), Hà Nội.
 16. Lê Văn Định (2015), Đặc điểm nhân thân người phạm tội và phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai, *Tạp chí Viện kiểm sát*, (06), Hà Nội.
 17. Đinh Bích Hà dịch (2007), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, NXB tư pháp, Hà Nội.
 18. Trần Thị Hiền dịch (2011), *Bộ luật hình sự Nhật Bản*, NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
 19. Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
 20. Hội đồng Nhà nước (1982), *Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép ngày 30/06/1982*, Hà Nội.
 21. Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999 ban hành ngày 04/08/2000*, Hà Nội.
 22. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số*

- 01/2006/NQ-HĐTP về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự ban hành ngày 12/05/2006, Hà Nội.*
23. Nguyễn Văn Hương và Hoàng Trung Hiếu (1986), *Tìm hiểu Luật hình sự Việt Nam*, NXB TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
 24. Minh Lương (2007), Khái niệm và đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (12), Hà Nội.
 25. Minh Lương (2007), Tình tiết giảm nhẹ định tội trong luật hình sự Việt Nam, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (20), Hà Nội.
 26. Dương Tuyết Miên (2003), Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng theo Bộ luật hình sự năm 1999, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (1), Hà Nội.
 27. Dương Tuyết Miên (2015), Một số ý kiến về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và biện pháp thay thế xử lý hình sự được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (16), Hà Nội.
 28. Phạm Thị Thanh Nga (2008), Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phản ánh điều kiện, hoàn cảnh thực hiện tội phạm, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (06), Hà Nội.
 29. Nguyễn Khánh Ngọc dịch (2011), *Bộ luật hình sự Canada*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
 30. Nguyễn Văn Niên và Nguyễn Văn Thuyết (2015), Một số kiến nghị về tuổi chịu trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (01), Hà Nội.
 31. Nguyễn Nông (2015), Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội chưa đạt, *Tạp chí kiểm sát*, (03), Hà Nội.
 32. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 33. Đinh Văn Quế (2009), *Bình luận khoa học về các tình tiết tăng nặng*,

- giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tái bản lần 2*, NXB thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
34. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự 1985 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 35. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
 36. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự 2003 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
 37. Quốc hội (2015), *Dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội.
 38. Hồ Sỹ Sơn (2008), Chủ thể của tội phạm qua so sánh pháp luật hình sự nước ta với pháp luật hình sự của một số nước thuộc hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (2), Hà Nội.
 39. Lê Thị Sơn (2015), Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và sự thể hiện trong Bộ luật hình sự, *Tạp chí Luật học*, (3), Hà Nội.
 40. Trần Văn Sơn (1996), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
 41. Tập thể tác giả (1963), *Triết học mác lenin chủ nghĩa duy vật biện chứng*, NXB Sách giáo khoa Mác lenin, Hà Nội.
 42. Tập thể tác giả do Đào Trí Úc chủ biên (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 43. Tập thể tác giả do Hoàng Thị Minh Sơn chủ biên (2010), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, trường Đại học luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
 44. Tập thể tác giả do Lê Văn Cẩm chủ biên (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Khoa luật – ĐHQGHN, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 45. Tập thể tác giả do Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (2001), *Trách nhiệm hình*

- sự và hình phạt*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Tập thể tác giả do Ưông Chu Lưu chủ biên (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (Phần chung)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 47. Tập thể tác giả do Võ Khánh Vinh chủ biên (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Đại học Huế, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 48. Võ Ngọc Thạch (2015), Một số quy định miễn giảm trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự Việt Nam, *Tạp chí kiểm sát*, (07), Hà Nội.
 49. Mai Thị Thủy (2015), Một số vấn đề về quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (07), Hà Nội.
 50. Mai Thị Thủy (2015), Hoàn thiện các quy định về miễn, giảm trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự hiện hành, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (05), Hà Nội.
 51. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
 52. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), Nhân thân người phạm tội với việc quy định trách nhiệm hình sự, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (08), Hà Nội.
 53. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
 54. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn 148/2002/KHXX về việc hướng dẫn áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự ngày 30/09/2002*, Hà Nội.
 55. Trịnh Quốc Toàn (2008), Hoàn thiện một số biện pháp miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, *Tạp chí Khoa học: Kinh tế-Luật*, Tập 24 (3), Hà Nội.
 56. Trường Đại học luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy*

- Điện*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
57. Trường Đại học luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Cộng hoà liên bang Đức*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
 58. Trường Đại học luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
 59. Nguyễn Đức Tuấn (2002), Một số ý kiến về tự thú và đầu thú trong Bộ luật hình sự năm 1999, *Bản tin kiểm sát*, (số xuân), Hà Nội.
 60. Nguyễn Thị Tuyết (2007), Một số kiến nghị khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (05), Hà Nội.
 61. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1981), *Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ ngày 20/5/1981*, Hà Nội.
 62. V.phri đích (1982), *Các cặp song sinh, xem Loler Dj, hệ số trí tuệ, di truyền và chủng tộc*, NXB Matxcova (bản dịch).
 63. Viện ngôn ngữ học (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ Việt Nam, Hà Nội.
 64. Trịnh Tiến Việt (2004), Về ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ trong việc quyết định hình phạt, *Tạp chí khoa học pháp lý*, (01), Hà Nội.
 65. Trịnh Tiến Việt (2004), Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự 1999 và một số kiến nghị, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (13), Hà Nội.
 66. Trịnh Tiến Việt (2013), *Pháp luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 67. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 68. Quách Thành Vinh (2005), Lại bàn về tình tiết giảm nhẹ, *Tạp chí Tòa*

án nhân dân, (12), Hà Nội.

69. Trần Thị Quang Vinh (2001), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
70. Trần Thị Quang Vinh (2005), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.